



VINACAFÉ[®] BH



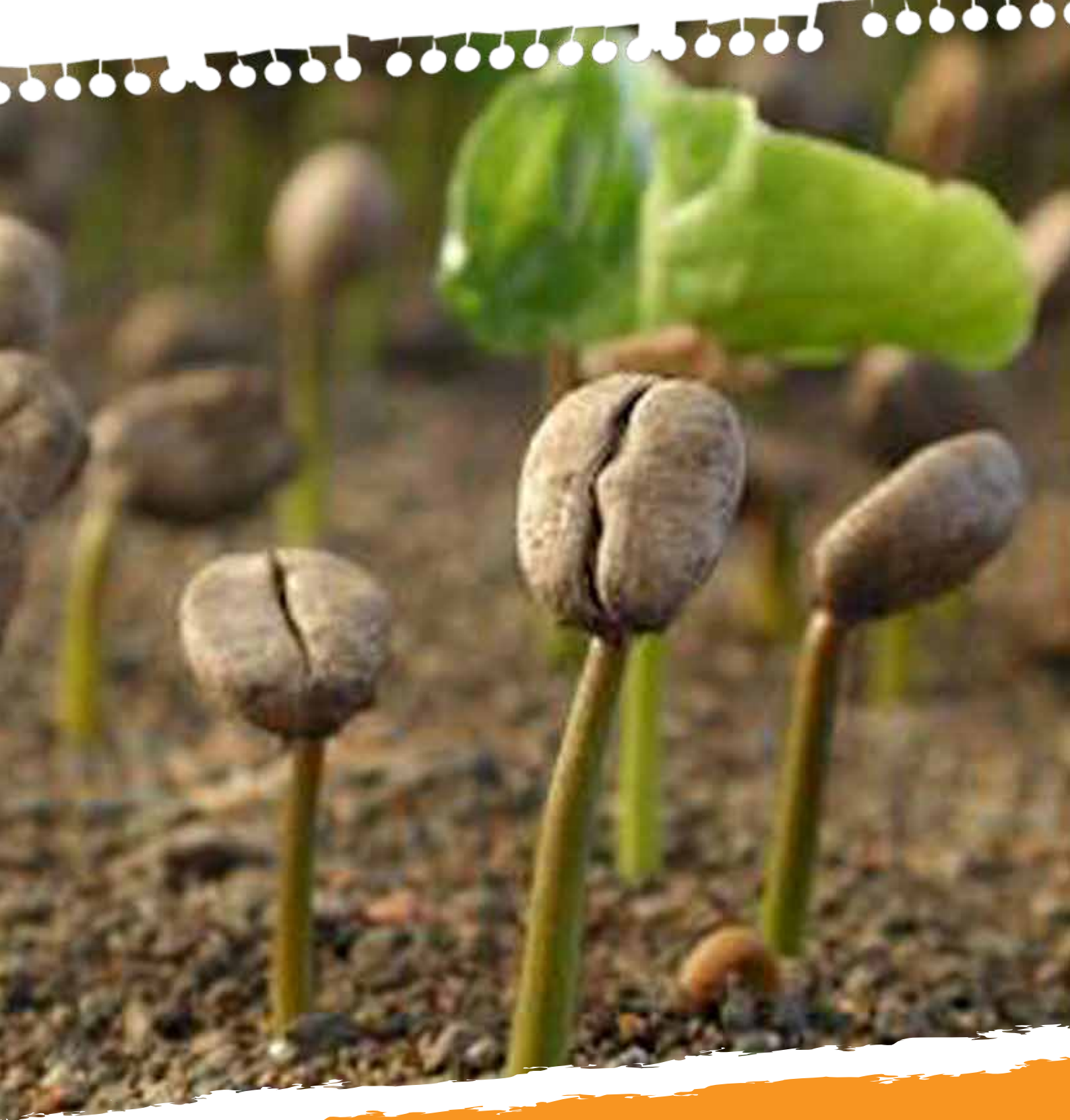
2011

báo cáo thường niên



MỤC LỤC

Trang 3	PHẦN 1. GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY
Trang 9	PHẦN 2. THƯ NGỎ CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Trang 12	PHẦN 3. BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC
Trang 21	PHẦN 4. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN
Trang 47	PHẦN 5. Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN NỘI BỘ
Trang 50	PHẦN 6. THÔNG TIN VỀ CÁC CÔNG TY LIÊN QUAN
Trang 52	PHẦN 7. TỔ CHỨC NHÂN SỰ
Trang 56	PHẦN 8. CÁC CỔ ĐÔNG GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY



PHẦN 1. GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY

1. NHỮNG SỰ KIỆN QUAN TRỌNG

1968 - 1969

NHÀ MÁY CÀ PHÊ CORONEL

Ông Marcel Coronel, quốc tịch Pháp, cùng vợ là bà Trần Thị Khánh khởi công xây dựng Nhà máy Cà phê CORONEL tại Khu Kỹ nghệ Biên Hòa (nay là Khu Công nghiệp Biên Hòa 1), tỉnh Đồng Nai với mục đích giảm thiểu chi phí vận chuyển cà phê về Pháp. Nhà máy Cà phê CORONEL có công suất thiết kế 80 tấn cà phê hòa tan/năm, với toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị được nhập khẩu từ Đức. Nhà máy Cà phê CORONEL tự hào là nhà máy chế biến cà phê hòa tan đầu tiên trong khu vực Đông Dương.



1975

NHÀ MÁY CÀ PHÊ BIÊN HÒA

Khi Việt Nam thống nhất, gia đình Coronel trở về Pháp. Họ bàn giao Nhà máy cho Chính phủ Lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam. Nhà máy Cà phê Coronel được đổi tên thành Nhà máy Cà phê Biên Hòa và được giao cho Tổng cục Công nghệ Thực phẩm quản lý. Tại thời điểm bàn giao, Nhà máy Cà phê Coronel vẫn chưa chạy thử thành công bởi dù rất đam mê công việc, nhưng vốn là kỹ sư nông nghiệp, ông Marcel Coronel chưa thể vận hành được hệ thống dây chuyền phức tạp gồm rất nhiều máy móc, thiết bị chế biến cà phê hòa tan.

1977

MỀ CÀ PHÊ HÒA TAN ĐẦU TIÊN

Vào đúng dịp kỷ niệm 2 năm ngày Việt Nam thống nhất, mẻ cà phê hòa tan đầu tiên ra lò trước sự vui mừng của toàn thể cán bộ công nhân viên Nhà máy. Trong suốt hai năm trước đó, tập thể các kỹ sư, công nhân đã ngày đêm cùng nhau tìm tòi, nghiên cứu để có thể vận hành thành công nhà máy. Năm 1977 đánh dấu một cột mốc quan trọng của Nhà máy cà phê Biên Hòa và cũng là của ngành cà phê Việt Nam: lần đầu tiên, Việt Nam sản xuất thành công cà phê hòa tan.

1978

CÀ PHÊ VIỆT NAM XUẤT NGOẠI

Theo Nghị định thư Việt Nam ký kết với các nước trong hệ thống XHCN về hàng đổi hàng, từ 1978, Nhà máy Cà phê Biên Hòa bắt đầu xuất khẩu cà phê hòa tan đến các nước thuộc Liên Xô cũ và Đông Âu.

1978

CÀ PHÊ HÒA TAN XUẤT KHẨU

Theo Nghị định thư Việt Nam ký kết với các nước trong hệ thống XHCN về hàng đổi hàng, từ 1978, Nhà máy Cà phê Biên Hòa bắt đầu xuất khẩu cà phê hòa tan đến các nước thuộc Liên Xô cũ và Đông Âu.

1983

RA ĐỜI THƯƠNG HIỆU VINACAFÉ

Trong suốt những năm 1980, Nhà máy Cà phê Biên Hòa vừa nghiên cứu cải tiến kỹ thuật để xây dựng quy trình sản xuất chuẩn, vừa sản xuất cà phê hòa tan xuất khẩu theo đơn đặt hàng của nhà nước. Cùng với địa chỉ sản xuất được ghi trên từng bao bì sản phẩm, tên "Vinacafé" bắt đầu xuất hiện ở thị trường Đông Âu bắt đầu từ 1983, đánh dấu thời điểm ra đời của thương hiệu Vinacafé.

1990

TRỞ LẠI VIỆT NAM

Vào cuối những năm 1980, những diễn biến bất lợi của hệ thống XHCN ở Liên Xô cũ và Đông Âu đã khiến các đơn đặt hàng cà phê hòa tan Vinacafé ngày

càng giảm. Năm 1990, Vinacafé chính thức quay trở lại thị trường Việt Nam dù trước đó một số sản phẩm của Nhà máy Cà phê Biên Hòa đã được tiêu thụ ở thị trường này. Khi quay lại Việt Nam, các sản phẩm của Nhà máy cà phê Biên Hòa rất khó tìm được chỗ đứng, do trước đó thị trường cà phê Việt Nam đã được định hình bởi thói quen uống cà phê rang xay pha tạp (hệ lụy từ chính sách ngăn sông cấm chợ, dẫn đến thiếu hụt cà phê nguyên liệu, người ta phải độn ngô và nhiều phụ gia khác vào cà phê).

1993

CÀ PHÊ HÒA TAN 3 TRONG 1 RA ĐỜI

Cà phê hòa tan 3 trong 1 Vinacafé ra đời đã được thị trường đón nhận nhanh chóng. Giải pháp đưa đường và bột kem vào cà phê hòa tan, đóng sẵn từng gói nhỏ đã giúp người Việt Nam lần đầu tiên được thoải mái thói quen uống cà phê với sữa mà không phải chờ cà phê nhỏ giọt qua phin. Cà phê hòa tan 3 trong 1 thành công nhanh đến mức thương hiệu Vinacafé ngay lập tức được Nhà máy Cà phê Biên Hòa đăng ký sở hữu trí tuệ tại Việt Nam và nhiều quốc gia trên thế giới.

1998

NHÀ MÁY THỨ HAI

Năm 1998 đánh dấu một cột mốc quan trọng về sự lớn mạnh vượt bậc. Nhà máy chế biến cà phê hòa tan thứ hai được khởi công xây dựng ngay trong khuôn viên của nhà máy cũ. Nhà máy này có công suất thiết kế 800 tấn cà phê hòa tan/năm, lớn gấp 10 lần nhà máy cũ. Chỉ sau đó 2 năm, nhà máy mới đã chính thức được đưa vào vận hành để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường nội địa và xuất khẩu.

2004

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA

Ngày 29 tháng 12 năm 2004, Nhà máy Cà phê Biên Hòa chuyển đổi loại hình doanh nghiệp - từ doanh nghiệp nhà nước sang Công ty cổ phần. Yêu quý đứa con tinh thần, cộng với sự nổi tiếng của thương hiệu Vinacafé, các cổ đông sáng lập (hầu hết là người của Nhà máy Cà phê Biên Hòa) đã đặt tên mới cho công ty là: Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa (Vinacafé BH). Đây cũng là thời điểm mở ra một chương mới cho lịch sử Công ty khi mà nó hoạch định lại chiến lược phát triển, viết lại sứ mệnh, tầm

nhìn mới và xác định những giá trị cốt lõi của mình, trong bối cảnh Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế.

2010

XÂY NHÀ MÁY THỨ BA

Ngày 15-12, Công ty cổ phần Vinacafé Biên Hòa đã khởi công xây dựng nhà máy chế biến cà phê hòa tan trên khu đất rộng gần 5 hecta tại KCN Long Thành, Đồng Nai. Nhà máy thứ ba này có công suất 3.200 tấn cà phê hòa tan nguyên chất/ năm, Dự kiến khi đi vào hoạt động trong quý 1/ 2013, mỗi năm nhà máy sẽ cung cấp ra thị trường hàng vạn tấn cà phê hòa tan 2 trong 1, 3 trong 1 theo công nghệ nhập khẩu từ châu Âu.

2011

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU VCF

Ngày 28/ 01/ 2011, toàn bộ 26.579.135 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa, tương đương 100% vốn điều lệ 265.791.350.000 đồng, chính thức được niêm yết tại sàn Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh - HOSE với mã chứng khoán VCF. Trong ngày giao dịch đầu tiên, giá khởi điểm của mỗi cổ phiếu VCF là 50.000 đồng.

Tháng 9 năm 2011, Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan chào mua công khai cổ phiếu VCF. Đề nghị chào mua của Masan được Vinacafé Biên Hòa chấp thuận. Tính đến tháng 11/2011, Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan đã nắm giữ 13.355.261 cổ phiếu VCF, tương đương 50,25% vốn điều lệ của Công ty.



2. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

Trong lần đầu đăng ký kinh doanh vào năm 2004, dưới hình thức công ty cổ phần, ngành nghề kinh doanh của Vinacafé Biên Hòa là: sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu cà phê, chè, thức uống nhanh và các sản phẩm thực phẩm. Trong những lần thay đổi đăng ký kinh doanh sau đó, nội dung chính của ngành nghề kinh doanh không thay đổi.

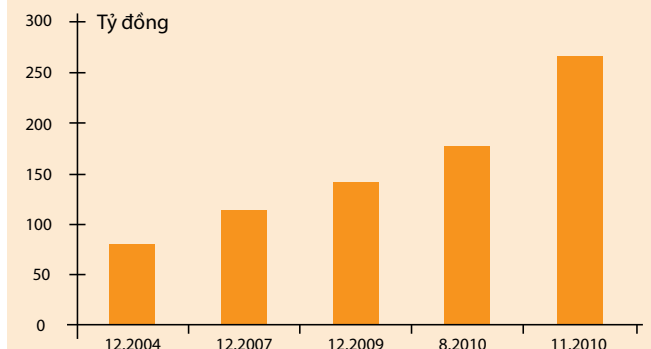
Từ tháng 6. 2011, nội dung ngành nghề kinh doanh nêu trên được trình bày lại theo quy định mới nhất của Nhà nước về phân loại mã ngành hoạt động như sau:

1. **Mã 4719:** Bán lẻ trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp cà phê, chè, thức uống nhanh và các sản phẩm thực phẩm;
2. **Mã 1079:** Sản xuất cà phê, chè, thức uống nhanh và các sản phẩm thực phẩm;
3. **Mã 4632:** Bán buôn cà phê, chè, thức uống nhanh và các sản phẩm thực phẩm.

Vào năm 2004, năm chuyển đổi thành Công ty cổ phần, tổng khối lượng tiêu thụ của Nhà máy Cà phê Biên Hòa đạt 6.693 tấn cà phê các loại và 623 tấn ngũ cốc dinh dưỡng, tổng doanh thu là 267,6 tỷ đồng. Đến năm 2011, sau 7 năm hoạt động dưới mô hình Công ty Cổ phần, Vinacafé Biên Hòa đã cung cấp cho thị trường 59.237 tấn cà phê các loại và 20.336 tấn ngũ cốc dinh dưỡng. Tính riêng năm 2011, doanh thu thuần của Vinacafé Biên Hòa là 1.586 tỷ đồng, tăng 21,8% so với 2010 và gấp gần 6 lần so với doanh thu năm 2004.

Vinacafé Biên Hòa đã có 4 lần tăng vốn điều lệ như sau:

• Tháng 12/ 2004:	80.000.000.000 đ
• Tháng 12/ 2007:	113.398.600.000 đ
• Tháng 1/ 2009:	141.757.100.000 đ
• Tháng 8/ 2010:	177.195.160.000 đ
• Tháng 11/ 2010:	265.791.350.000 đ



3. DANH MỤC SẢN PHẨM



Heritage Absolute



Heritage Blend



Heritage Crown



Vinacafé Black



Mundo Espresso



Vinacafé Select



Vinacafé Gold



Vinacafé Super



Vinacafé Natural



Vinacafé Hòa Tan Đen

Cà Phê 3 Trong 1 Nhãn Vàng

Vinacafé 3 Trong 1 Nhãn Xanh



Ngũ Cốc DD Vinacafé
Bịch 20 Gói & Hộp 10 Gói



Ngũ Cốc DD Dê Mèn
Bịch 14 Gói & Hộp 14 Gói



PHẦN 2. THƯ NGỎ CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THƯ NGỎ CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi Quý vị Cổ đông,

Trong bối cảnh kinh tế Việt Nam năm 2011 được đánh giá là năm khó khăn nhất kể từ năm 1990 đến nay, Vinacafé Biên Hòa đã vượt qua nhiều thách thức lớn để tăng trưởng ổn định: Doanh thu thuần đạt 1.585.572.433.752 đồng, tăng 21,8% so với 2010, lợi nhuận sau thuế đạt 211.112.536.225 đồng, tăng 30,7% so với 2010.

Mức tăng 21,8% doanh thu thuần đến chủ yếu từ việc tăng giá bán sản phẩm. Việc tăng giá trong năm 2011 là yêu cầu bắt buộc khi các yếu tố đầu vào tăng mạnh, đặc biệt là cà phê nguyên liệu. Tính trung bình, năm 2011, giá cà phê nguyên liệu robusta và arabica tăng lần lượt là 41% và 48% so với năm 2010. Tuy nhiên, nhờ cải thiện được chi phí sản xuất, lợi nhuận sau thuế năm 2011 đã được cải thiện đáng kể so với năm 2010. Công ty đã thực hiện vượt kế hoạch đã đề ra về chỉ tiêu lợi nhuận. Lợi nhuận sau thuế năm 2011 tăng 51,7 % so với kế hoạch đã đề ra là 139 tỷ đồng. Lãi cơ bản của mỗi cổ phiếu tăng 30,6% từ 6.079 đồng trong năm 2010 lên 7.943 đồng trong năm 2011.

1. NHỮNG THAY ĐỔI CHỦ YẾU TRONG NĂM

Ngày 28/01/2011, toàn bộ 26.579.135 cổ phiếu của Vinacafé Biên Hòa, tương đương 100% vốn điều lệ 265,79 tỷ đồng, chính thức được niêm yết tại sàn Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh - HOSE với mã chứng khoán VCF. Trong ngày giao dịch đầu tiên, giá khởi điểm của mỗi cổ phiếu VCF là 50.000 đồng.

Tháng 9 năm 2011, Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan chào mua công khai cổ phiếu VCF. Đề nghị chào mua của Masan được Vinacafé Biên Hòa chấp thuận. Tính đến tháng 11/ 2011, Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan đã nắm giữ 13.355.261 cổ phiếu VCF, tương đương 50,25% vốn điều lệ của Công ty.

Với sự tham gia của Masan Consumer, Đại hội Cổ đông Bất thường vào tháng 10/ 2011 đã bầu thêm các ông Đoàn Đình Thiêm, Nguyễn Đăng Quang, Trương Công Thắng, Đinh Quang Hoàn vào HĐQT. Ông Đoàn Đình Thiêm giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT từ tháng 10/ 2011. Sau khi bầu thêm 4 thành viên, số lượng thành viên HĐQT Vinacafé Biên Hòa đã tăng từ 7 lên 11.

Trong năm 2011, Ban Kiểm soát cũng có thay đổi về nhân sự. Đại hội Cổ đông Bất thường của Công ty vào tháng 10. 2011 thông qua việc từ nhiệm khỏi Ban Kiểm soát của bà Nguyễn Thị Hương Giang, đồng thời bầu bổ sung ông Huỳnh Thiên Phú vào Ban Kiểm soát thay cho bà Nguyễn Thị Hương Giang.



2. TRIỂN VỌNG VÀ KẾ HOẠCH TƯƠNG LAI

Sứ mệnh:

Nâng cao giá trị cà phê Việt Nam bằng cách: xác lập tiêu chuẩn an toàn của cà phê trong nước, cung cấp cho thị trường các sản phẩm đa dạng có nguồn gốc từ cà phê; làm cho cà phê được yêu thích và sử dụng hàng ngày.

Cùng với cà phê, các sản phẩm khác của Vinacafé Biên Hòa sẽ đến với người tiêu dùng thông qua các thương hiệu mạnh, hệ thống phân phối mạnh và uy tín, mô hình cung ứng độc đáo, trên cơ sở tuân thủ các giá trị cốt lõi của công ty.

Tầm nhìn 2016

- Thống lĩnh thị trường cà phê Việt Nam với 80% thị phần cà phê hòa tan và 51% thị phần cà phê rang xay.
- Các ngành hàng khác ngoài cà phê: chiếm ít nhất 51% thị phần.
- Trở thành 1 trong 3 Công ty niêm yết lớn nhất trong ngành thực phẩm – đồ uống.
- Đội ngũ nhân lực của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa là những người có tài năng và thu nhập hàng đầu trong ngành công nghiệp hàng tiêu dùng tại Việt Nam.


Mục tiêu 2012 – 2016:

Năm	ĐVT: Tỷ đồng				
	2012	2013	2014	2015	2016
Doanh thu	3.000	4.500	7.000	9.000	10.000
Lợi nhuận sau thuế	360	630	1.120	1.620	2.000
% lợi nhuận	12%	14%	16%	18%	20%
Số nhân hiệu số 1	3	4	6	8	10

Các định hướng chiến lược :

- Vinacafé Biên Hòa sẽ đưa ra thị trường nhiều sản phẩm mới, làm cho cà phê trở thành một thức uống thông dụng, được người Việt Nam sử dụng hàng ngày.
- Thâm nhập thành công các ngành thực phẩm có nhu cầu thị trường đủ lớn.
- Các sản phẩm cà phê, từ cà phê và các sản phẩm thực phẩm và đồ uống mới khác sẽ là những đột phá trong việc tạo ra các nhu cầu mới và sở hữu những thành quả từ việc tạo dựng thương hiệu mới và đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng.

Ngày 21/ 4/ 2012
CHỦ TỊCH HĐQT



ĐOÀN ĐÌNH THIÊM



PHẦN 3. BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

KHÁI QUÁT VỀ MÔI TRƯỜNG KINH DOANH 2011

Mục tiêu năm 2011 của Việt Nam là: GDP tăng từ 7% đến 7,5%, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng không quá 7%. Nội dung quan trọng nhất là tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội. Trong đó, thực hiện chính sách tiền tệ chặt chẽ, thận trọng; thực hiện chính sách tài khóa thắt chặt, cắt giảm đầu tư công, giảm bội chi ngân sách nhà nước...

Kết quả là: Lạm phát ở mức khoảng 18%, GDP tăng trưởng gần 6%, lãi suất cho vay của ngân hàng trên 20%/ năm, thị trường chứng khoán đi xuống, nhiều doanh nghiệp phá sản, vỡ nợ tín dụng đen. Nhìn chung, môi trường kinh doanh của Việt Nam trong năm 2011 bị mất điểm. Năm 2011 được đánh giá là năm khó khăn nhất của Việt Nam kể từ 1990 cho đến nay. Trong bối cảnh đó, Vinacafé Biên Hòa đã đạt được những tăng trưởng ổn định.

1. BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

1.1 Tổng hợp kết quả sản xuất kinh doanh 2011

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH 2011	THỰC HIỆN 2010	THỰC HIỆN 2011	SO SÁNH (%)	
						TH 2010	KH2011
1	Sản lượng sản xuất chủ yếu						
	Cà phê các loại	tấn	19.475	16.786	16.039	95,5	82,4
	Ngũ cốc dinh dưỡng	tấn	5.350	4.457	4.377	98,2	81,8
2	Sản lượng tiêu thụ						
	Cà phê các loại	tấn	19.475	16.310	15.601	95,7	80,1
	Trong đó: XK	tấn	1.500	1.301	1.436	110,4	95,7
	Ngũ cốc dinh dưỡng	tấn	5.350	4.509	4.257	94,4	79,6
	Trong đó: XK	tấn	15	14	12.00	85,7	80,0
3	Lao động và thu nhập						
3.1	Tổng số lao động	người	610	550	558	101,5	91,5
3.2	Tổng quỹ lương	trđ	69.004	55.245	61.083	110,6	88,5
4	Kết quả kinh doanh						
4.1	Tổng doanh thu tiêu thụ	trđ	1.927.437	1.301.664	1.586.025	121,8	82,3
	Trong đó: XK	trđ	127.242	86.498	116.352	134,5	91,4
4.2	Tổng chi phí SP tiêu thụ	trđ	1.773.506	1.123.404	1.352.129	120,4	76,2
4.3	Lợi nhuận trước thuế	trđ	153.931	178.260	233.896	131,2	151,9
	Trong đó: TN tài chính	trđ	18.506	16.205	35.466	218,9	191,6
4.4	Lợi nhuận sau thuế	trđ	139.148	161.561	211.112	130,7	151,7
5	Tổng tài sản	trđ	842.507	729.227	814.460	111,7	96,7
6	Vốn điều lệ	trđ	265.791	265.791	265.791	100,00	100,00
7	Tỷ lệ trả cổ tức	%	15	15	15	100,00	100,00
8	Các khoản nợ NSNN	trđ	110.000	108.647	129.372	117,6	117,6

Doanh thu tiêu thụ sản phẩm

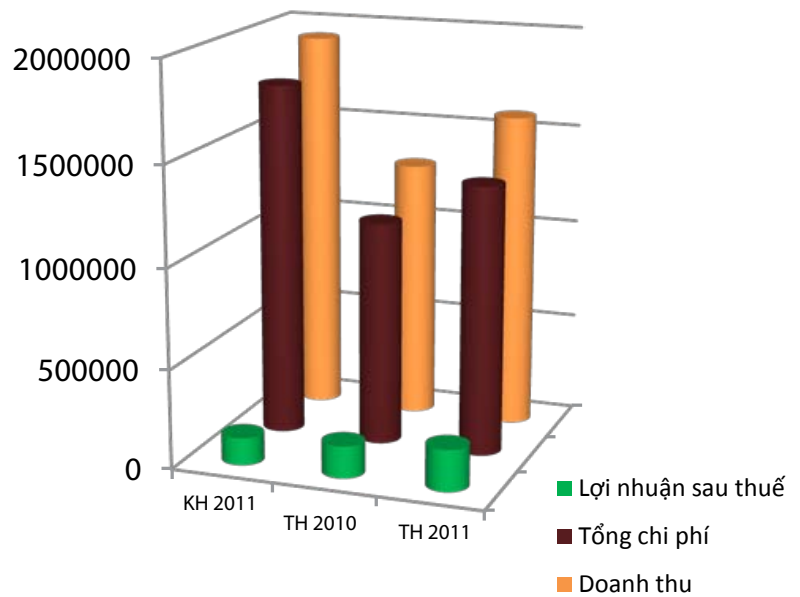
năm 2011 đạt 1.586.025 triệu đồng, đạt 82,3% kế hoạch và tăng 21,8% so với năm 2010

Chi phí sản phẩm tiêu thụ

năm 2011 là 1.352.129 triệu đồng, bằng 76,2% kế hoạch và tăng 20,4% so với năm 2010.

Lợi nhuận sau thuế

năm 2011 đạt 211.112 triệu đồng, tăng 51,7% so với kế hoạch và tăng 30,7% so với năm 2010



So với năm 2010, tổng doanh thu từ bán hàng năm 2011 tăng 21,8% chủ yếu do tăng giá bán sản phẩm. Khối lượng hàng bán nhóm cà phê và ngũ cốc dinh dưỡng giảm nhẹ, tương ứng ở các mức 4,3% và 6,6% so với năm 2010. So với kế hoạch, tiêu thụ cà phê các loại đạt 80,1%, ngũ cốc dinh dưỡng đạt 79,6%. Mặc dù khối lượng tiêu thụ và doanh thu hàng bán đều thấp hơn kế hoạch, nhưng lợi nhuận 2011 đã vượt kế hoạch đề ra. Các nguyên nhân chủ yếu là:

- Năm 2011 là năm giá cà phê nguyên liệu lên cao nhất kể từ 1992. Giá nhiên liệu tăng và ảnh hưởng kinh tế toàn cầu đã làm cho hàng loạt các yếu tố đầu vào tăng cao. Trước tình hình đó, Công ty đã yêu cầu các nhà cung cấp cùng chia sẻ khó khăn, hạn chế tăng giá nguyên liệu, hoặc tìm kiếm các nguồn nguyên liệu khác, kể cả nhập khẩu để có được nguyên liệu đầu vào giá tốt nhất. Điều này dẫn đến tổng doanh thu giảm 17,7% so với kế hoạch trong khi chi phí sản phẩm tiêu thụ giảm đến 23,8% so với kế hoạch.
- Song song với kiểm soát giá nguyên liệu đầu vào nhằm tối thiểu mức tăng giá thành, Công ty cũng chủ trương triển khai chậm lại một số dự án như đầu tư nâng cấp hệ thống phân phối, tung sản phẩm cà phê rang xay cao cấp, theo chủ trương của Hội đồng Quản trị là ưu tiên cao nhất cho mục tiêu bảo đảm lợi nhuận cho các cổ đông, đưa mục tiêu về sản lượng và doanh thu năm 2011 xuống vị trí quan trọng số 2. Lợi nhuận sau thuế năm 2011 tăng 51,7% so với kế hoạch.



2. NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

2.1 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Từ năm 2009, Công ty đã thực hành quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2008. Trong năm 2011, Vinacafé Biên Hòa đã được tổ chức có uy tín British Standards Institution (BSI) cấp chứng nhận hợp chuẩn ISO 9001: 2008.

Cũng trong năm 2011, Công ty đã từng bước cải tiến chính sách lương, nâng lương cho lao động có trình độ cao và từng bước thực hiện ủy quyền của Tổng Giám đốc cho các Phó Tổng giám đốc và các Trưởng phòng.

2.2 Các biện pháp kiểm soát

Kiểm soát chất lượng thông qua các bộ tiêu chuẩn và hệ thống các quy trình trong tất cả các khâu, bao gồm:

- Quy trình tuyển dụng, Quy trình đào tạo,
- Quy trình phân tích dữ liệu,
- Quy trình bán hàng,
- Quy trình lập kế hoạch triển khai sản xuất,
- Quy trình mua hàng, kiểm soát nhà cung cấp,
- Quy trình hoạt động Marketing,
- Quy trình giải quyết khiếu nại và đánh giá mức độ thỏa mãn của khách hàng,
- Quy trình thiết kế mới/ chỉnh sửa bao bì sản phẩm,
- Quy trình đánh giá cảm quan sản phẩm,
- Quy trình thiết kế/cải tiến sản phẩm,
- Quy trình sửa chữa thiết bị,
- Quy trình kiểm soát thiết bị đo lường,
- Quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải,
- Quy trình công nghệ sản xuất cà phê rang xay,
- Quy trình công nghệ sản xuất cà phê hòa tan 3 trong 1,
- Quy trình công nghệ sản xuất cà phê sâm 4 trong 1,
- Quy trình công nghệ sản xuất ngũ cốc dinh dưỡng,
- Quy trình công nghệ sản xuất ngũ cốc để mèn,
- Quy trình công nghệ sản xuất cà phê hòa tan,
- Quy trình công nghệ sản xuất cà phê hòa tan thành phẩm.

Kiểm soát hoạt động tài chính và các hoạt động đầu tư của Công ty: thông qua các Quy chế và hoạt động của kiểm soát nội bộ đối với việc tuân thủ Điều lệ và các Quy chế của công ty.





Thương hiệu Quốc Gia



Huân chương Lao động Hạng Nhất

CÁC GIẢI THƯỞNG VÀ DANH HIỆU TRONG NĂM 2011

- Công ty được tặng thưởng Huân chương Lao động Hạng Nhất.
- Vinacafé là 1 trong 10 thương hiệu uy tín hàng đầu giải “Cúp vàng Top ten Thương hiệu Việt - Ứng dụng KH & CN năm 2011”
- Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt.
- Vinacafé lọt vào Top 10 các Thương hiệu mạnh của Việt Nam do bạn đọc của Thời báo Kinh tế Việt Nam bình chọn
- Vinacafé tiếp tục được người tiêu dùng bình chọn là Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao năm thứ 15.
- Vinacafé tiếp tục được lựa chọn tham gia chương trình Thương hiệu Quốc Gia.
- Vinacafé nhận Giải Bạc – Giải thưởng chất lượng Việt Nam
- Cờ thi đua hạng Nhì của UBND tỉnh Đồng Nai.





Công ty cổ phần Vinacafé Biên Hòa đã tổ chức chương trình
“HÀNH ĐỘNG THIẾT THỰC VÌ NGƯỜI TRỒNG CÀ PHÊ”.

Đây là chương trình nằm trong chiến lược phát triển cà phê bền vững của Công ty cổ phần Vinacafé Biên Hòa, mở đầu bằng đợt hỗ trợ nông dân thực hiện lần đầu tiên vào tháng 3. Ban tổ chức đã trao 230 triệu đồng và quà tặng cho các hộ gia đình chính sách, đồng bào dân tộc ít người trồng cà phê đang gặp khó khăn và các em học sinh nghèo vượt khó.

3. CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

3.1 Các chỉ số tài chính

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH	ĐVT	2010	2011
I - Tỷ số thanh toán			
1. Tỷ số thanh toán hiện hành	lần	4,55	8,48
2. Tỷ số thanh toán nhanh	lần	3,23	5,67
II - Tỷ số hoạt động			
1. Vòng quay các khoản phải thu	lần	11,64	9,77
1.1 Kỳ thu tiền bình quân	ngày	31,37	37,35
2. Vòng quay hàng tồn kho	lần	6,62	6,28
3. Hiệu suất sử dụng tài sản cố định	lần	24,82	28,34
4. Hiệu suất sử dụng toàn bộ tài sản	lần	1,78	1,94
5. Hiệu suất sử dụng vốn cổ phần	lần	4,90	5,97
III - Tỷ số đòn bẩy tài chính			
1. Tỷ số nợ trên tài sản	%	20,58	11,35
2. Tỷ số nợ trên vốn cổ phần	%	56,46	34,95
3. Tỷ số tổng tài sản trên vốn cổ phần	%	274,36	307,78
4. Khả năng thanh toán lãi vay	lần	15,34	22,44
IV - Tỷ số sinh lợi			
1. Tỷ suất sinh lợi trên doanh thu (ROS)	%	12,41	13,31
2. Tỷ suất sinh lợi trên tổng tài sản (ROA)	%	22,16	25,81
3. Tỷ suất sinh lợi trên vốn cổ phần (ROE)	%	60,79	79,43
V - Tỷ số giá trị Thị trường			
1. Thu nhập mỗi cổ phần (EPS)	đồng	6.079	7.943
2. Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	90	15
3. Tỷ số giá thị trường trên thu nhập (P/E)	%	8,23	11,46
4. Tỷ suất cổ tức	%	18,00	1,65

Nhìn chung các chỉ số tài chính năm 2011 được cải thiện tốt hơn 2010. Trong năm 2011 khả năng thanh toán của Công ty tốt hơn do ít sử dụng công cụ đòn bẩy tài chính. Tỷ số sinh lợi trên vốn cổ phần năm 2011 tăng lên 79,43% so với mức 60,79% của năm 2010.

Năm 2011 do khó khăn về thị trường và lãi suất vay vốn ngân hàng tăng cao, Công ty đã giãn nợ cho khách hàng đại lý, dẫn đến chu kỳ thu tiền bình quân tăng từ 31 ngày lên 37 ngày, vòng quay các khoản phải thu giảm từ 11,6 lần xuống 9,77 lần.

Năm 2011, chỉ số P/E tăng từ 8,23% lên 11,46%, nhưng tỷ suất cổ tức giảm từ 18% xuống còn 1,65%. Nguyên nhân là do giá cổ phiếu của Công ty năm 2011 tăng mạnh so với năm 2010, trong khi mức chia cổ tức năm 2011 giảm nhiều. (cổ tức năm 2010 đã chia ở mức cao, cổ tức năm 2011 mới chỉ tính đợt tạm ứng lần 1)



3.2 Cơ cấu cổ đông

Tại thời điểm 31/12/2012

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	2010		2011		Thay đổi	
	CP	%	CP	%	CP	%
1. Cổ đông trong nước	26.373.963	99,23	26.126.723	98,30	(247.240)	-0,93
- Cá nhân	8.486.387	31,93	2.854.731	10,74	(5.631.656)	-21,19
- Tổ chức	17.887.576	67,30	23.271.992	87,56	5.384.416	20,26
2. Cổ đông nước ngoài	205.172	0,77	452.412	1,70	247.240	0,93
- Cá nhân	118.492	0,45	65.512	0,25	(52.980)	-0,20
- Tổ chức	86.680	0,33	386.900	1,46	300.220	1,13

3.2 Những thay đổi về cổ đông góp vốn

THAY ĐỔI TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN

Tại thời điểm 31/12 /2011

	2010		2011		Thay đổi	
	CP	%	CP	%	CP	%
1 Tcty Cà phê Việt Nam - Cty TNHH MTV	13.359.375	50,26	9.914.375	37,30	(3.445.000)	-12,96
2 Công ty Cổ phần Chứng khoán Beta	2.295.073	8,63	-	-	(2.295.073)	-8,63
3 Trần Quang Lộc	2.047.800	7,70	-	-	(2.047.800)	-7,70
4 Công ty Cổ phần Hàng Tiêu dùng Masan	-	-	13.355.261	50,25	13.355.261	50,25

4. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH 2012

4.1 Mục tiêu doanh thu và lợi nhuận trong năm 2012

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Mục tiêu cam kết trình ĐHCĐ	Mục tiêu phấn đấu thực hiện
1	Doanh thu	3.000	3.500
2	Lợi nhuận sau thuế	360	420

4.2 Các hoạt động chính sẽ triển khai trong năm 2012

- Tái cơ cấu hệ thống phân phối với phương châm: hiện đại, mạnh, hiệu quả trên cơ sở tận dụng các điểm mạnh của hai hệ thống phân phối của Vinacafé và Masan Consumer.
- Thực hiện các nghiên cứu marketing và thúc đẩy hoạt động R&D, nhanh chóng cải tiến các sản phẩm hiện có, đáp ứng tốt hơn thị hiếu của người tiêu dùng.
- Tái tung Vinacafé 3 trong 1, Ngũ cốc dinh dưỡng và tung ít nhất 2 sản phẩm mới.
- Triển khai chuỗi quán Vinacafé, nhằm mục tiêu quảng bá thương hiệu và đi đến có lãi từ mô hình chuỗi quán cà phê Việt Nam.


 TÓNG GIÁM ĐỐC
 CÔNG TY CỔ PHẦN VINA CAFÉ BIÊN HÒA
Phạm Quang Vũ



Bằng việc triển khai quán cà phê của mình, Vinacafé chính thức tuyên bố quay trở lại thị trường cà phê rang xay với mong muốn cung cấp đến người tiêu dùng các sản phẩm cà phê nguyên chất và tinh khiết, 100% từ thiên nhiên.



PHẦN 4. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số

3600261626

ngày 14 tháng 2 năm 2012

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh cuối cùng vào ngày 14 tháng 2 năm 2012, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Hội đồng Quản trị

Đoàn Đình Thiêm	Chủ tịch (từ ngày 27 tháng 10 năm 2011)
Đỗ Văn Nam	Chủ tịch (đến ngày 27 tháng 10 năm 2011)
Phạm Quang Vũ	Phó Chủ tịch
Nguyễn Đăng Quang	Thành viên (từ ngày 27 tháng 10 năm 2011)
Bùi Xuân Thoa	Thành viên
Lê Quang Chính	Thành viên
Tô Hải	Thành viên
Trương Công Thắng	Thành viên (từ ngày 27 tháng 10 năm 2011)
Lê Hùng Dũng	Thành viên
Đình Quang Hoàn	Thành viên (từ ngày 27 tháng 10 năm 2011)
Nguyễn Công Trung	Thành viên

Ban Giám đốc

Phạm Quang Vũ	Tổng Giám đốc
Lê Quang Chính	Phó Tổng Giám đốc
Lê Hùng Dũng	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Khu Công nghiệp Biên Hoà 1
Thành phố Biên Hòa
Tỉnh Đồng Nai
Việt Nam

Đơn vị kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa (“Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 9 tháng 3 năm 2012. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.


Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam
Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345
Báo cáo kiểm toán số: 11-01-293




Chàng Hưng Chun
Chứng chỉ kiểm toán viên số N0863/KTV
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Nghị
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		762.111.591.781	676.789.392.720
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	298.221.643.448	361.737.630.582
Tiền	111		23.773.004.391	29.831.631.582
Các khoản tương đương tiền	112		274.448.639.057	331.905.999.000
Các khoản phải thu	130	5	162.234.866.084	111.856.660.312
Phải thu khách hàng	131		110.802.709.997	109.411.361.185
Trả trước cho người bán	132		48.738.881.714	1.675.053.938
Phải thu khác	135		2.693.274.373	770.245.189
Hàng tồn kho	140	6	252.328.534.372	196.734.374.602
Hàng tồn kho	141		254.728.460.983	196.734.374.602
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.399.926.611)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		49.326.547.877	6.460.727.224
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.669.537.281	-
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.809.286.020	972.837.485
Tài sản ngắn hạn khác	158	7	41.847.724.576	5.487.889.739
Tài sản dài hạn	200		55.953.111.735	52.437.859.656
Tài sản cố định	220		55.953.111.735	52.437.859.656
Tài sản cố định hữu hình	221	8	33.881.155.340	32.933.638.322
<i>Nguyên giá</i>	222		173.572.644.029	164.509.549.887
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(139.691.488.689)	(131.575.911.565)
Tài sản cố định vô hình	227	9	17.319.885.750	17.319.885.750
<i>Nguyên giá</i>	228		17.319.885.750	17.319.885.750
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	230	10	4.752.070.645	2.184.335.584
TỔNG TÀI SẢN	270		818.064.703.516	729.227.252.376

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011 (TIẾP THEO)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		92.882.197.492	150.064.483.877
Nợ ngắn hạn	310		89.863.136.392	148.659.081.067
Vay ngắn hạn	311		-	16.231.785.636
Phải trả người bán	312		27.302.489.529	78.485.299.526
Người mua trả tiền trước	313		2.533.904.489	1.884.574.666
Thuế phải nộp Nhà nước	314	11	27.194.221.226	15.817.616.514
Phải trả nhân viên	315		5.752.911.518	2.843.817.088
Chi phí phải trả	316		1.552.694.388	-
Phải trả khác	319	12	21.544.833.149	24.348.083.709
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	13	3.982.082.093	9.047.903.928
Nợ dài hạn	330		3.019.061.100	1.405.402.810
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	14	3.019.061.100	1.405.402.810
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		725.182.506.024	579.162.768.499
Vốn chủ sở hữu	410		725.182.506.024	579.162.768.499
Vốn cổ phần	411	15	265.791.350.000	265.791.350.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		29.974.241.968	29.974.241.968
Quỹ đầu tư và phát triển	417	16	137.456.077.032	109.589.907.931
Quỹ dự phòng tài chính	418	16	30.814.459.873	22.736.393.873
Lợi nhuận chưa phân phối	420		261.146.377.151	151.070.874.727
TỔNG NGUỒN VỐN	440		818.064.703.516	729.227.252.376

Người lập:



Lê Hùng Dũng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Phạm Quang Vũ
Tổng Giám đốc

Ngày 9 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

	Mã số	Thuyết minh	2011 VND	2010 VND
Tổng doanh thu	01	17	1.586.025.888.575	1.301.911.877.370
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	17	(453.464.823)	(247.574.668)
Doanh thu thuần	10		1.585.572.423.752	1.301.664.302.702
Giá vốn hàng bán	11		(1.193.485.460.589)	(1.028.845.343.605)
Lợi nhuận gộp	20		392.086.963.163	272.818.959.097
Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	35.466.973.189	27.822.976.015
Chi phí tài chính	22	19	(10.402.749.967)	(11.618.394.063)
Chi phí bán hàng	24		(170.264.287.348)	(95.916.642.096)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(32.184.921.309)	(28.966.437.663)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		214.701.977.728	164.140.461.290
Kết quả từ các hoạt động khác	40			
Thu nhập khác	31	20	18.770.793.007	14.207.269.108
Chi phí khác	32		(13.085.529)	(87.509.934)
Lợi nhuận trước thuế	50		233.459.685.206	178.260.220.464
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	21	-22.347.148.981	-16.698.886.015
Lợi nhuận thuần	60		211.112.536.225	161.561.334.449
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	7.943	6.079

Người lập:



Lê Hùng Dũng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Phạm Quang Vũ
Tổng Giám đốc

Ngày 9 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quý đầu tư và phát triển VND	Quý dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng vốn chủ sở hữu VND	Quý khen thưởng và phúc lợi VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	141.757.100.000	68.094.331.990	99.263.157.709	15.936.132.106	116.808.026.845	441.858.748.650	5.492.591.197	447.351.339.847
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	161.561.334.449	161.561.334.449	-	161.561.334.449
Cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 23)	35.438.060.000	-	-	-	(35.438.060.000)	-	-	-
Cổ tức bằng tiền (Thuyết minh 23)	-	-	-	-	(2.605.000)	(2.605.000)	-	(2.605.000)
Cổ tức giữa kỳ (Thuyết minh 23)	-	-	-	-	(10.631.709.600)	(10.631.709.600)	-	(10.631.709.600)
Cổ phiếu thưởng	88.596.190.000	(38.120.090.022)	-	-	(50.476.099.978)	-	-	-
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(2.528.000.000)	(2.528.000.000)	-	(2.528.000.000)
Phần loại lại vào nợ phải trả ngắn hạn	-	-	-	-	-	-	(5.492.591.197)	(5.492.591.197)
Phần bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	25.730.720.200	6.800.261.767	(11.095.000.000)	(11.095.000.000)	-	(11.095.000.000)
Phần bổ vào các quỹ	-	-	(15.403.969.978)	-	15.403.969.978	-	-	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	265.791.350.000	29.974.241.968	109.589.907.931	22.736.393.873	151.070.874.727	579.162.768.499	-	579.162.768.499
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	211.112.536.225	211.112.536.225	-	211.112.536.225
Cổ tức bằng tiền (Thuyết minh 23)	-	-	-	-	(23.921.221.500)	(23.921.221.500)	-	(23.921.221.500)
Cổ tức giữa kỳ (Thuyết minh 23)	-	-	-	-	(21.263.308.000)	(21.263.308.000)	-	(21.263.308.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(6.096.999.200)	(6.096.999.200)	-	(6.096.999.200)
Phần bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(13.811.270.000)	(13.811.270.000)	-	(13.811.270.000)
Phần bổ vào các quỹ	-	-	27.866.169.101	8.078.066.000	(35.944.235.101)	-	-	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	265.791.350.000	29.974.241.968	137.456.077.032	30.814.459.873	261.146.377.151	725.182.506.024	-	725.182.506.024

Người lập

Lê Hùng Dũng
Kế toán trưởng



Phạm Quang Vũ
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

	Mã số	Thuyết minh	2011 VND	2010 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		233.459.685.206	178.260.220.464
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao	02		8.251.026.072	8.228.948.078
Các khoản dự phòng	03		4.037.090.801	283.439.406
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		436.480.000	-
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(32.747.714.181)	(26.535.725.234)
Chi phí lãi vay	06		3.567.025.719	2.018.055.461
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		217.003.593.617	162.254.938.175
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(91.816.793.286)	(17.145.567.583)
Biến động hàng tồn kho	10		(57.994.086.381)	(91.120.108.251)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(40.482.801.369)	77.700.461.745
			26.709.912.581	131.689.724.086
Tiền lãi vay đã trả	13		(3.567.025.719)	(2.018.055.461)
Thuế thu nhập đã nộp	14		(19.386.190.716)	(14.499.195.361)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(24.974.091.035)	(10.067.687.269)
Tiền thuần (chi cho)/thu từ các hoạt động kinh doanh	20		(21.217.394.889)	105.104.785.995
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(11.766.278.151)	(10.591.677.629)
Thu lãi tiền gửi	27		31.320.481.042	26.535.725.234
Tiền thuần thu từ các hoạt động đầu tư	30		19.554.202.891	15.944.047.605

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011 (TIẾP THEO)

	Mã số	Thuyết minh	2011 VND	2010 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33		18.122.657.000	24.031.785.636
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(34.354.442.636)	-7.800.000.000
Tiền trả cổ tức	36		(45.184.529.500)	-10.634.314.600
Tiền thuần (chi cho)/thu từ các hoạt động tài chính	40		(61.416.315.136)	5.597.471.036
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(63.079.507.134)	126.646.304.636
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		361.737.630.582	235.091.325.946
Ảnh hưởng của biến động tỷ giá đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		(436.480.000)	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	4	298.221.643.448	361.737.630.582

Người lập:



Lê Hùng Dũng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Phạm Quang Vũ
Tổng Giám đốc

Ngày 9 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO

Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa (“Công ty”) là doanh nghiệp được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và bán các loại cà phê và ngũ cốc ăn liền cho thị trường nội địa và xuất khẩu.

Cổ phiếu của công ty được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 28 tháng 1 năm 2011.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty có 558 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 547 nhân viên).

2. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(b) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(c) Áp dụng Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về trình bày và công bố thông tin về công cụ tài chính

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2011, Công ty áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về trình bày và công bố thông tin về công cụ tài chính (“Thông tư 210”). Việc áp dụng Thông tư 210 không có ảnh hưởng trọng yếu đến việc xác định giá trị hoặc trình bày các công cụ tài chính trên báo cáo tài chính của

Công ty. Các thuyết minh báo cáo tài chính quy định trong Thông tư 210 không phải trình bày các số liệu so sánh do áp dụng phi hồi tố.

(d) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (“CMKT 10”) – Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái.

(e) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(f) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011 (TIẾP THEO)

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà xưởng và cấu trúc 5 – 25 năm
- máy móc và thiết bị 3 – 7 năm
- thiết bị văn phòng 6 năm
- phương tiện vận chuyển 3 – 4 năm

(i) Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các khoản chênh lệch tạm thời

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011 (TIẾP THEO)

này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hoá chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hoá và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) đối với cổ phiếu phổ thông của Công ty. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm năng nào trong năm.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(s) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011 (TIẾP THEO)

3. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty hoạt động theo các bộ phận kinh doanh chính như sau:

- Cà phê và các sản phẩm liên quan được làm từ cà phê
- Ngũ cốc

	Cà phê		Ngũ cốc		Khác		Tổng	
	2011 VND	2010 VND	2011 VND	2010 VND	2011 VND	2010 VND	2011 VND	2010 VND
Doanh thu trong nước	1.174.671.943.672	959.087.374.056	292.891.712.142	255.274.469.074	1.693.398.129	761.778.722	1.469.257.053.943	1.215.123.621.852
Doanh thu xuất khẩu	114.972.681.875	85.625.237.114	846.069.610	774.135.326	496.618.324	141.308.410	116.315.369.809	86.540.680.850
Tổng doanh thu của bộ phận	1.289.644.625.547	1.044.712.611.170	293.737.781.752	256.048.604.400	2.190.016.453	903.087.132	1.585.572.423.752	1.301.664.302.702
Giá vốn hàng bán	(981.243.073.962)	(835.201.934.986)	(210.533.046.462)	(193.446.714.692)	(1.709.340.165)	(196.693.927)	(1.193.485.460.589)	(1.028.845.343.605)
Lợi nhuận gộp của bộ phận	308.401.551.586	209.510.676.184	83.204.735.289	62.601.889.708	480.676.288	706.393.205	392.086.963.163	272.818.959.097
Chi phí không phân bổ							(177.384.985.435)	(108.678.497.807)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh							214.701.977.728	164.140.461.290
Thu nhập khác							18.770.793.007	14.207.269.108
Chi phí khác							(13.085.529)	(87.509.934)
Thuế thu nhập							(22.347.148.981)	(16.698.886.015)
Lợi nhuận thuần sau thuế							211.112.536.225	161.561.334.449

Tài sản và nợ phải trả không thể phân tách thành các bộ phận trên theo một cơ sở hợp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011 (TIẾP THEO)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tiền mặt	1.359.784.675	1.385.195.850
Tiền gửi ngân hàng	22.413.219.716	28.446.435.732
Các khoản tương đương tiền	274.448.639.057	331.905.999.000
	298.221.643.448	361.737.630.582

Trong tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 có số tiền khác VND tương đương 42.237.081.175 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 5.519.327.742 VND).

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu phản ánh mức rủi ro tín dụng tối đa liên quan đến các khoản phải thu.

Ban Giám đốc thiết lập chính sách tín dụng theo đó khách hàng mới được phân tích về khả năng tín dụng và khả năng về vốn trước khi các điều kiện và điều khoản thanh toán chuẩn và giao hàng được thiết lập.

Công ty lập khoản dự phòng tổn thất phản ánh ước tính về lỗ phát sinh đối với các khoản phải thu khách hàng và khoản phải thu khác. Phần chính của khoản dự phòng này là các phần lỗ cụ thể cho từng khoản phải thu cụ thể.

Giá trị ghi sổ của khoản phải thu khách hàng và phải thu khác phản ánh giá trị hợp lý tương ứng của các khoản phải thu do thời gian đáo hạn ngắn.

Thời hạn của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại ngày lập báo cáo là:

	Số dư gộp 31/12/2011 VND	Dự phòng nợ phải thu khó đòi 31/12/2011 VND
Trong hạn	72.379.592.517	-
Quá hạn từ 0 đến 30 ngày	29.878.020.296	-
Quá hạn từ 31 đến 180 ngày	11.238.371.557	-
	113.495.984.370	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011 (TIẾP THEO)

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Hàng mua đang đi trên đường	2.405.634.000	-
Nguyên vật liệu	155.698.230.474	155.884.292.795
Công cụ và dụng cụ	190.774.924	5.100.000
Sản phẩm dở dang	23.057.552.867	6.810.835.500
Thành phẩm	73.280.268.718	34.034.146.307
Hàng hóa	96.000.000	-
	254.728.460.983	196.734.374.602
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.399.926.611)	-
	252.328.534.372	196.734.374.602

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho phản ánh dự phòng đã lập trong năm.

7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Tài sản ngắn hạn khác thể hiện các khoản ký quỹ mở thư tín dụng nhập khẩu máy móc và các khoản tạm ứng cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011 (TIẾP THEO)

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và cấu trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện v. chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	17.597.767.876	140.334.041.712	2.234.111.116	4.343.629.183	164.509.549.887
Tăng trong năm	2.711.014.536	1.419.524.031	1.535.064.124	70.835.000	5.736.437.691
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	3.462.105.399	-	-	-	3.462.105.399
Xóa số	-	(23.502.096)	(111.946.852)	-	(135.448.948)
Số dư cuối năm	23.770.887.811	141.730.063.647	3.657.228.388	4.414.464.183	173.572.644.029
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	11.991.058.308	114.377.869.707	1.781.765.498	3.425.218.052	131.575.911.565
Khấu hao trong năm	860.063.633	6.677.478.114	456.580.544	256.903.781	8.251.026.072
Xóa số	-	(23.502.096)	(111.946.852)	-	(135.448.948)
Số dư cuối năm	12.851.121.941	121.031.845.725	2.126.399.190	3.682.121.833	139.691.488.689
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	5.606.709.568	25.956.172.005	452.345.618	918.411.131	32.933.638.322
Số dư cuối năm	10.919.765.870	20.698.217.922	1.530.829.198	732.342.350	33.881.155.340

Tài sản ngắn hạn khác thể hiện các khoản ký quỹ mở thư tín dụng nhập khẩu máy móc và các khoản tạm ứng Trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 có các tài sản là 117.646 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn còn đang được sử dụng (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 105.878 triệu VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011 (TIẾP THEO)

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND
Nguyên giá và giá trị còn lại	
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	17.319.885.750

Quyền sử dụng đất là khoản tiền thuê đất tại Khu Công nghiệp Long Thành để xây dựng nhà máy sản xuất trong thời gian là 50 năm bắt đầu từ tháng 8 năm 2006.

10. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	2011 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	2.184.335.584	1.882.642.084
Tăng trong năm	6.029.840.460	312.612.638
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(3.462.105.399)	(10.919.138)
Số dư cuối năm	4.752.070.645	2.184.335.584

11. THUẾ PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế giá trị gia tăng	5.737.034.508	3.934.160.241
Thuế nhập khẩu	14.111.046.125	7.498.273.945
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.346.140.593	4.385.182.328
	27.194.221.226	15.817.616.514

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011 (TIẾP THEO)

12. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Ký quỹ thương mại từ khách hàng	19.355.000.000	22.693.992.000
Kinh phí công đoàn	213.087.684	216.944.654
Phải trả về cổ phần hóa	15.000.000	15.000.000
Khác	1.961.745.465	1.422.147.055
	21.544.833.149	24.348.083.709

Chính sách của Công ty là quản lý thường xuyên các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và dự kiến để đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ lượng tiền để đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn.

Sau đây là phân loại các khoản nợ tài chính phi phái sinh theo thời điểm đáo hạn của hợp đồng:

31/12/2011	Giá trị ghi sổ VND	Luồng tiền theo hợp đồng chưa chiết khấu VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả thương mại và phải trả khác	56.152.928.584	56.152.928.584	56.152.928.584

13. QUỸ KHEN THƯỞNG VÀ PHÚC LỢI

	2011 VND
Số dư đầu năm	9.047.903.928
Phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối trong năm	13.811.270.000
Sử dụng trong năm	(18.877.091.835)
Số dư cuối năm	3.982.082.093

Đại hội đồng Cổ đông của Công ty ngày 10 tháng 4 năm 2011 đã quyết định trích quỹ khen thưởng và phúc lợi 13.811.270.000 VND từ lợi nhuận chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011 (TIẾP THEO)

14. DỰ PHÒNG TRỢ CẤP THÔI VIỆC

	2011 VND
Số dư đầu năm	1.405.402.810
Trích lập dự phòng trong năm	1.637.164.190
Sử dụng dự phòng trong năm	(23.505.900)
Số dư cuối năm	3.019.061.100

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính

phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đã đóng 229.320.296 VND (2010: 188.959.604 VND) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

15. VỐN CỔ PHẦN

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2011		31/12/2010	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	26.579.135	265.791.350.000	26.579.135	265.791.350.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Đối với các cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011 (TIẾP THEO)

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2011		2010	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	26.579.135	265.791.350.000	14.175.710	141.757.100.000
Cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	3.543.806	35.438.060.000
Cổ phiếu thưởng	-	-	8.859.619	88.596.190.000
Số dư cuối năm	26.579.135	265.791.350.000	26.579.135	265.791.350.000

16. CÁC QUỸ THUỘC VỐN CHỦ SỞ HỮU

(i) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích đầu tư phát triển kinh doanh trong tương lai.

(ii) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập như dự phòng cho các rủi ro kinh doanh chung trong tương lai của Công ty.

17. TỔNG DOANH THU

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2011	2010
	VND	VND
Tổng doanh thu		
* Bán hàng	1.586.025.888.575	1.301.911.877.370
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
* Giảm giá hàng bán	-	(390.480)
* Hàng bán bị trả lại	(453.464.823)	(247.184.188)
Doanh thu thuần	1.585.572.423.752	1.301.664.302.702

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011 (TIẾP THEO)

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2011 VND	2010 VND
Lãi tiền gửi	32.747.714.181	26.535.725.234
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.719.259.008	1.154.387.757
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	132.863.024
	35.466.973.189	27.822.976.015

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2011 VND	2010 VND
Chi phí lãi vay	3.567.025.719	2.018.055.461
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.399.244.248	9.299.313.523
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	436.480.000	301.025.079
	10.402.749.967	11.618.394.063

20. THU NHẬP KHÁC

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2011 VND	2010 VND
Thuế nhập khẩu được hoàn lại	17.509.392.681	13.248.552.553
Khác	1.261.400.326	958.716.555
	18.770.793.007	14.207.269.108

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011 (TIẾP THEO)

21. THUẾ THU NHẬP

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2011 VND	2010 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện tại	22.347.148.981	16.350.266.090
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	348.619.925
	22.347.148.981	16.698.886.015

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2011 VND	2010 VND
Lợi nhuận trước thuế	233.459.685.206	178.260.220.464
Thuế theo thuế suất của Công ty	35.018.952.781	26.739.033.070
Ảnh hưởng của thuế suất khác áp dụng đối với thu nhập khác	6.375.175.806	1.699.988.116
Chi phí không được khấu trừ thuế	-	5.770.353
Ưu đãi thuế	(19.046.979.606)	(12.094.525.449)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	348.619.925
	22.347.148.981	16.698.886.015

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế. Tuy nhiên, vì là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước trước năm 2006, Công ty được miễn thuế thu nhập trong 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (năm 2005) và giảm 50% thuế thu nhập trong 7 năm tiếp theo (từ năm 2008 đến năm 2014). Tất cả các khoản ưu đãi thuế trên không được áp dụng đối với thu nhập khác, thu nhập khác chịu thuế suất 25%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011 (TIẾP THEO)

22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành, được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2011 VND	2010 VND
Lợi nhuận thuần trong năm và phân bổ cho cổ đông phổ thông	211.112.536.225	161.561.334.449

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2011 VND	2010 VND
Cổ phiếu phổ thông được phát hành đầu năm	26.579.135	14.175.710
Ảnh hưởng của cổ tức bằng cổ phiếu	-	3.543.806
Ảnh hưởng của cổ phiếu thưởng	-	8.859.619
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	26.579.135	26.579.135

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm năng.

23. CỔ TỨC

Đại hội đồng cổ đông của Công ty vào ngày 10 tháng 4 năm 2011 đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền 23.921.221.500 VND tương đương 900 VND trên một cổ phiếu (2010: cổ tức bằng tiền là 35.438.060.000 tương đương 3.543.806 cổ phiếu và phần cổ phiếu lẻ được hưởng bằng tiền 2.605.000 VND).

Đại hội đồng cổ đông của Công ty vào ngày 13 tháng 9 năm 2011 đã quyết định ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định tỷ lệ chia cổ tức giữa kỳ cho cổ đông dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2011. Theo đó, cuộc họp của Hội đồng Quản trị quyết định phân phối cổ tức giữa kỳ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 theo tỷ lệ 8% trên tổng vốn cổ phần với số tiền là 21.263.308.000 VND tương đương 800 VND trên một cổ phiếu (2010: 10.631.709.600 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011 (TIẾP THEO)

24. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2011 VND	2010 VND
Tổng công ty cà phê Việt Nam		
Cổ tức bằng tiền mặt	19.954.937.500	5.343.750.000
Cổ tức bằng cổ phiếu	-	17.812.500.000
Cổ phiếu thưởng	-	44.531.250.000
Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị		
Tiền thưởng	6.632.652.898	2.837.449.097
Tiền lương và thù lao	2.958.953.309	1.955.000.000
Cổ tức chi bằng tiền	1.393.371.000	318.518.800
Cổ tức bằng cổ phiếu	-	1.061.580.000
Cổ phiếu thưởng	-	2.653.070.000

25. CAM KẾT

(a) Chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	229.330.781.555	-

(b) Hợp đồng thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang bao gồm thuê nhà và thuê kho như sau:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Trong vòng một năm	2.367.675.857	2.228.116.224
Từ hai đến năm năm	4.216.000.000	5.985.006.912
	6.583.675.857	8.213.123.136

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011 (TIẾP THEO)

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2011 VND	2010 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.126.789.524.067	985.249.646.278
Chi phí nhân công	61.086.461.406	58.147.189.856
Chi phí khấu hao	8.251.026.072	8.228.948.078
Chi phí dịch vụ mua ngoài	168.087.738.841	54.575.035.220
Chi phí khác	36.240.044.624	71.084.843.854

27. TÀI SẢN THUẦN BẰNG NGOẠI TỆ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty có trạng thái tài sản thuần bằng ngoại tệ như sau:

	USD	EUR	CNY
Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng	319.226	1.284.391	-
Phải thu khách hàng	596.820	-	34.390
Phải trả người bán	(88.725)	-	-
Trạng thái gộp trên bảng cân đối kế toán	827.321	1.284.391	34.390

Công ty đảm bảo rằng trạng thái thuần của rủi ro này được giữ mức độ có thể chấp nhận bằng việc mua hoặc bán ngoại tệ theo tỷ giá giao ngay khi cần thiết để giải quyết việc mất cân bằng tạm thời.

Các tỷ giá hối đoái chủ yếu chính đã được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá hối đoái tại ngày 31/12/2011 VND
USD 1	20.825
EUR 1	27.709
CNY 1	3.365

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011 (TIẾP THEO)

Dưới đây là bảng phân tích các tác động đối với lợi nhuận lợi nhuận thuần của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 sau khi xem xét tỷ giá hối đoái hiện tại và mức độ biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

	Ảnh hưởng đến lợi nhuận thuần tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 VND
USD (mạnh thêm 10%)	1.594.061.420
EUR (mạnh thêm 10%)	3.292.118.901
CNY (mạnh thêm 15%)	16.064.429
Tăng lợi nhuận thuần	4.902.244.750

Biến động ngược chiều của các ngoại tệ sẽ ảnh hưởng bằng các số liệu được trình bày bên trên nhưng theo chiều ngược lại đến lợi nhuận thuần của Công ty.

28. SỐ LIỆU SO SÁNH

	31/12/2010 VND (phân loại lại)	31/12/2010 VND (đã được báo cáo trước đây)
Phải trả khác	24.348.083.709	1.654.091.709
Nợ dài hạn khác	-	22.693.992.000

Người lập: 
Lê Hùng Dũng
Kế toán trưởng

Người duyệt: 
Phạm Quang Vũ
Tổng Giám đốc



Ngày 9 tháng 3 năm 2012



PHẦN 5. Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN NỘI BỘ

1. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT:

- HĐQT luôn tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật và thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông,
- Các cuộc họp của HĐQT được triệu tập và tổ chức đúng theo quy định tại Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty,
- Các biên bản họp, Nghị quyết của HĐQT đều có đầy đủ chữ ký của các Thành viên dự họp,
- Các Nghị quyết của HĐQT đều tập trung vào việc triển khai nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và được ban hành kịp thời, thực hiện tốt chức năng quản trị của HĐQT đồng thời đáp ứng được yêu cầu điều hành sản xuất kinh doanh của Ban TGD,
- Trong quý IV HĐQT đã triệu tập đại hội cổ đông bất thường nhằm bầu bổ sung thêm 04 thành viên HĐQT.
- HĐQT đã triệu tập các cuộc họp bầu lại Chủ tịch HĐQT, phân công lại nhiệm vụ cho các thành viên trong HĐQT, HĐQT đã thành lập được 03 tiểu ban nhằm thực hiện tiếp kế hoạch năm 2011 và đề ra chiến lược cho năm 2012.
- Trong năm 2011, Công ty không phát sinh bất cứ vấn đề tranh chấp nào liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

- Ban Tổng giám đốc luôn tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật trong công tác quản lý hành chính cũng như trong công tác giao dịch.
- Ban Tổng giám đốc đã thực hiện tốt chức năng quản trị, triển khai và thực hiện tốt các nghị quyết do HĐQT đề ra, các quyết định được ban hành kịp thời và đều tập trung vào công việc điều hành sản xuất kinh doanh.
- Ban Tổng giám đốc và đội ngũ cán bộ quản lý của Công ty đã thực hiện tốt nhiệm vụ cũng như năng lực trong công tác quản lý, sử dụng tốt các nguồn lực về vốn, tài sản và con người của Công ty, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với nhà nước và các chế độ chính sách đối với người lao động. Năm 2011 Công ty đã đạt được lợi nhuận là 211 tỷ đạt 152% kế hoạch và tăng 31% so với năm 2010. Tuy nhiên vẫn còn một số máy móc thiết bị mua sắm phục vụ cho sản xuất chưa có đánh giá hiệu quả đầu tư dẫn đến hiệu quả thấp và một số chỉ tiêu chưa hoàn thành so với kế hoạch đề ra: tổng sản lượng sản xuất và tiêu thụ cà phê các loại là 16.039.443 kg đạt 82% so với kế hoạch đề ra là 19.475.000kg. Tổng sản lượng ngũ cốc sản xuất và tiêu thụ được là 4.376.736 kg đạt 82% so với kế hoạch đề ra là 5.350.000 kg. Tổng doanh thu là 1.586 tỷ đồng đạt 82% so với kế hoạch là 1.927 tỷ.

3. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN:

- Ban quản lý dự án trực thuộc Hội đồng quản trị được thành lập vào ngày 3/11/2011 do Tổng giám đốc làm Trưởng ban đã điều hành và quản lý hoạt động đầu tư dự án nhà máy sản xuất cà phê hòa tan công suất 3200 tấn/ năm đúng theo tiến độ. Tuy nhiên vẫn có 01 gói thầu trễ tiến độ và sẽ được hoàn thành vào ngày 10/04/2012. Chi phí cho dự án tính đến thời điểm 31/12/2011 là khoảng 90 tỷ.

4. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2011:

- Báo cáo tài chính năm 2011 đã phản ánh hợp lý, trung thực tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2011 cũng như kết quả kinh doanh trong năm tài chính 2011, phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành.
- Trong năm 2011, hoạt động của HĐQT và Ban TGD Công ty đã tập trung vào định hướng phát triển theo nghị quyết do Đại hội đồng cổ đông năm 2010 thông qua đó là SXKD hai mặt hàng chính là cà phê các loại và bột ngũ cốc dinh dưỡng, xúc tiến dự án xây dựng nhà máy cà phê hòa tan tại Long Thành.

5. MỐI QUAN HỆ CỦA HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH, CỔ ĐÔNG VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG:

- Trong năm 2011, HĐQT và BĐH luôn lấy nghị quyết Đại hội đồng cổ đông làm kim chỉ nam trong việc hoạch định các chính sách cho các hoạt động SXKD và đầu tư phát triển, mặc dù trong năm qua các chỉ tiêu về sản lượng và doanh thu không đạt so với kế hoạch nhưng Công ty vẫn đạt chỉ tiêu tăng trưởng năm sau luôn cao hơn năm trước.
- Quyền lợi của Người lao động được chăm lo đầy đủ đúng chế độ qui định như chế độ thi đua khen thưởng, tham quan du lịch v.v..., các Tổ chức chính trị - xã hội luôn được thực hiện và quan tâm tạo điều kiện về thời gian, kinh phí để duy trì hoạt động.





PHẦN 6. THÔNG TIN VỀ CÁC CÔNG TY LIÊN QUAN

THÔNG TIN VỀ CÁC CÔNG TY LIÊN QUAN

1. CÔNG TY CP HÀNG TIÊU DÙNG MASAN



Địa chỉ: Kumho Asiana Plaza, Quận 1, TP. HCM, Việt Nam
Đại diện: Ông Trương Công Thắng,
Tổng Giám đốc Công ty CP Hàng Tiêu dùng Masan

Tính đến 11/ 2011, Công ty Cổ phần hàng tiêu dùng Masan (Masan Consumer) nắm giữ 50,25% vốn cổ phần của Vinacafé Biên Hòa

Masan Consumer là một trong những Công ty hàng tiêu dùng nhanh sản xuất và phân phối nhiều mặt hàng thực phẩm, bao gồm nước tương, nước mắm, tương ớt, và mì ăn liền. Hoạt động từ năm 2000, Công ty đã phát triển danh mục sản phẩm, tăng doanh số bán hàng trong nước và mở rộng các kênh phân phối để thiết lập vị thế hàng đầu trong lĩnh vực thực phẩm có thương hiệu ở Việt Nam. Những thương hiệu chính của Masan Consumer bao gồm Chin-su (nước tương, nước mắm, tương ớt), Tam Thái Tử (nước tương), Nam Ngư (nước mắm), Omachi, Oh Ngon và Tiến Vua (mì ăn liền). Năm 2011 Masan Consumer được hình thành trên cơ sở tái cấu trúc Masan Food hướng đến mục tiêu nhân rộng nền tảng đã thành công của Masan Food sang các ngành thực phẩm và nước giải khát khác.

2. TỔNG CÔNG TY CÀ PHÊ VIỆT NAM – CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN.



Địa chỉ: 211 – 213 – 213A, Trần Huy Liệu, Phường 8,
Q. Phú Nhuận, TP. HCM, Việt Nam
Đại diện: Ông Đoàn Đình Thiêm,
Chủ tịch Hội đồng Thành viên TCTy Cà phê Việt Nam

Tổng Công ty Cà phê Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 251/TTg ngày 29/4/1995 của Thủ tướng Chính phủ và được Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn Điều lệ tổ chức và hoạt động tại Quyết định số 04/2008/QĐ-TTg ngày 09/01/2008.

Công ty mẹ - Tổng Công ty Cà phê Việt Nam (sau đây gọi là Tổng Công ty Cà phê Việt Nam) được thành lập theo Quyết định số 1737/QĐ-TTg ngày 29/10/2009 trên cơ sở tổ chức lại Văn phòng Tổng Công ty Cà phê Việt Nam, Công ty Cà phê 719, Công ty Cà phê Buôn Hồ, Công ty Cà phê Iasao, Công ty Cà phê Đắc Uy, các đơn vị hạch toán phụ thuộc, đơn vị sự nghiệp và các chi nhánh.

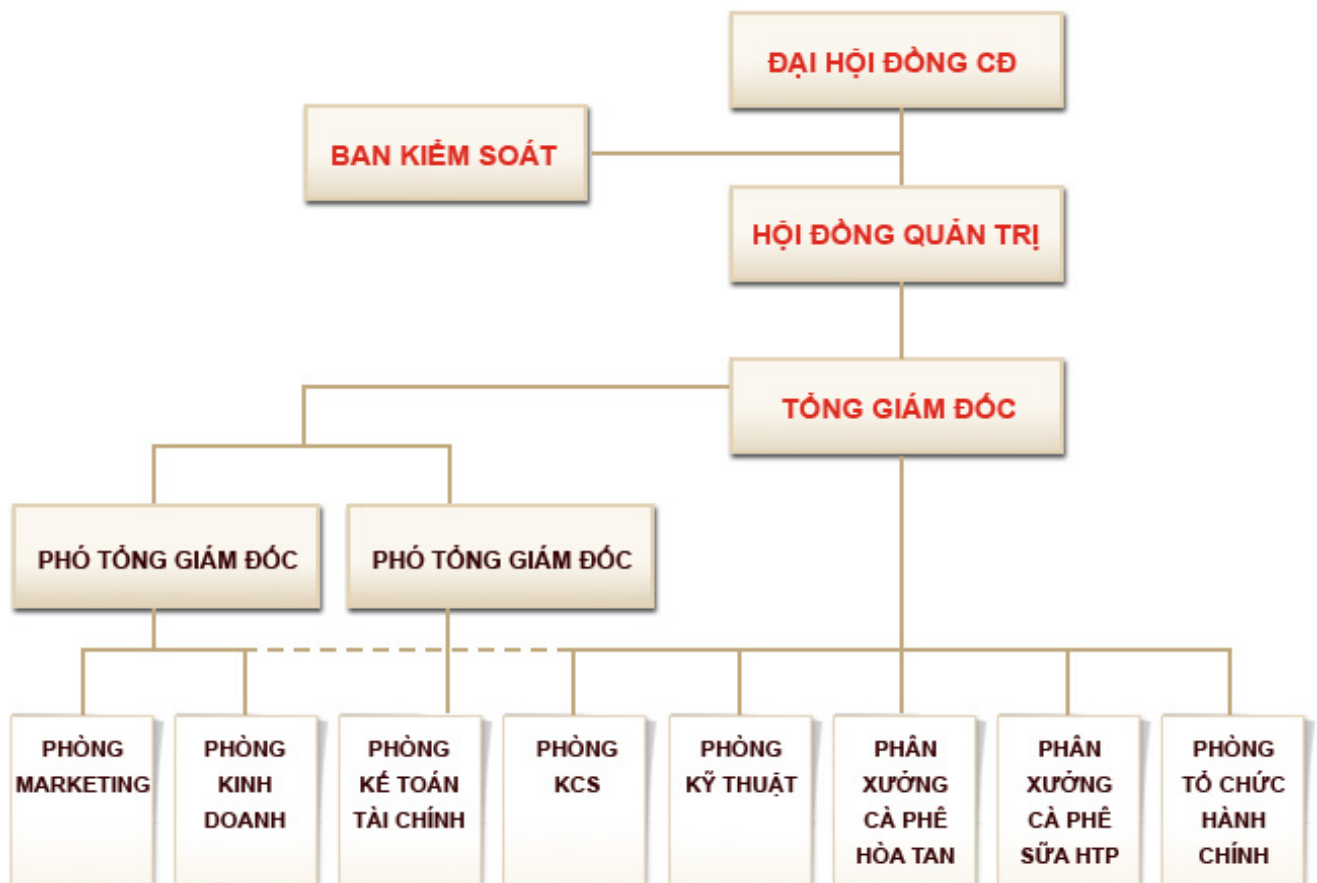
Ngày 25/6/2010, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 980/QĐ-TTg về việc chuyển Công ty mẹ - Tổng Công ty Cà phê Việt Nam thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Tổng Công ty Cà phê Việt Nam là Tổng Công ty Nhà nước có các đơn vị đặt trên địa bàn 15 tỉnh, thành phố trong nước và 1 đơn vị hoạt động tại Lào. Địa bàn trong nước chủ yếu vùng Tây Nguyên. Trong những năm qua Tổng Công ty đã có nhiều đóng góp quan trọng phát triển KT-XH trong vùng.



PHẦN 7: TỔ CHỨC NHÂN SỰ

1. SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



Theo luật định, Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa. Đại hội đồng Cổ đông bầu ra Hội đồng Quản trị, cơ quan quản lý cao nhất. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc để trực tiếp điều hành công ty. Vinacafé Biên Hòa có cơ cấu khá gọn nhẹ, gồm 6 phòng chức năng, 03 chi nhánh, 02 phân xưởng sản xuất, đặt dưới sự quản lý của Ban điều hành gồm 03 người.

2. BÁO CÁO THU NHẬP CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Tổng thu nhập chịu thuế TNCN của ban điều hành, bao gồm các khoản kiêm nhiệm chức danh thuộc HĐQT

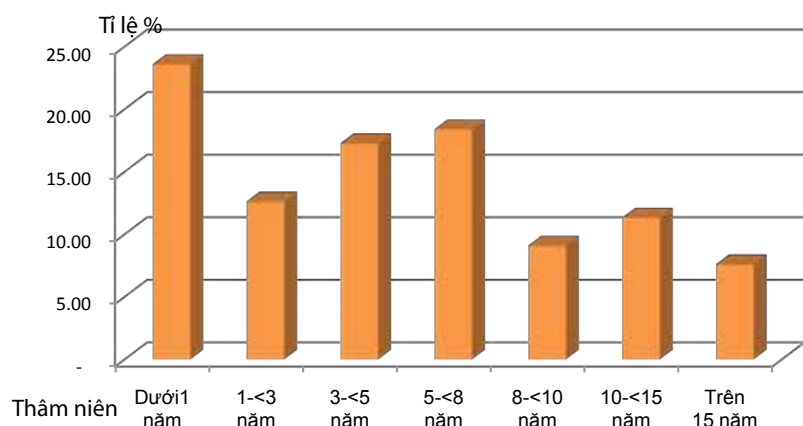
STT	HỌ VÀ TÊN	Lương	Phụ cấp	Thưởng	Cổ tức
1	Phạm Quang Vũ, Phó CT HĐQT, TGD	33%	3%	44%	20%
2	Lê Quang Chính, UV HĐQT, Phó TGD	31%	4%	48%	17%
3	Lê Hùng Dũng, UV HĐQT, Phó TGD	32%	3%	49%	16%

3. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công ty cổ phần Vinacafe Biên Hòa có một bề dày lịch sử hoạt động hơn 30 năm, hiện đang thực hiện những chính sách nhằm duy trì được đội ngũ CBCNV lâu năm – có nhiều kinh nghiệm trong ngành cũng như duy trì chính sách ưu tiên tuyển dụng CNV mới là những con em CBCNV lão thành trong công ty.

Tổng số CB CNV có 558 người, trình độ lao động như sau:

Trình độ	Số lượng (người)	Tỷ lệ %
ĐH, Trên ĐH	128	22,9
Cao đẳng	35	6,3
Trung cấp	48	8,6
Nghề	94	16,8
LĐPT	253	45,3
Tổng	558	100



Xuất phát từ một doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hoá từ 2004, Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa thực hiện chính sách ổn định công việc và tăng lương cho người lao động dựa vào kết quả kinh doanh và thâm niên đóng góp cho công ty. Điều này có tác động tích cực là tạo ra một lực lượng lao động gắn bó với công ty, có kỹ năng thành thạo, nhưng cũng có nhược điểm là khó cạnh tranh để thu hút được nhân lực có trình độ cao. Tuy nhiên, về chính sách đối với người lao động, Công ty đã thực hiện tốt các nội dung sau:

Về thu nhập:

Trong những năm qua Vinacafé Biên Hoà đã duy trì được các chế độ lương, thưởng thích hợp; thu nhập bình quân ổn định và tăng hàng năm theo kết quả kinh doanh:

Năm 2011 thu nhập bình quân của CB CNV Công ty (không tính lao động là nhân viên bán hàng tại hệ thống Đại lý, nhà phân phối của công ty) là 7.200.000 đồng / người/ tháng. Việc xây dựng chính sách thu nhập tại Công ty được dự trên một số tiêu chí:

- Sự cạnh tranh trên thị trường lao động.
- Tính chất của mỗi công việc, hiệu quả làm việc,
- Sự cân bằng trong tổ chức (so sánh với các vị trí khác nhau trong công ty)

Công ty cũng chú trọng tới các chế độ khen thưởng hợp lý, ngoài khoản trích thưởng vào các dịp lễ, tết thì Công ty còn có các hình thức khen thưởng khác như thưởng sáng tạo (cho tập thể cá nhân), thưởng tiết kiệm... nhằm tạo động lực vật chất và tinh thần cho CBCNV không ngừng phấn đấu trong lao động...

Về thực hiện pháp luật lao động:

Đối với bộ phận gián tiếp sản xuất (Khối hành chính) Công ty thực hiện chế độ làm việc 40h/tuần; đối với khối trực tiếp sản xuất Công ty tổ chức làm việc theo ca.

Công ty cũng chú trọng đến điều kiện làm việc của người lao động: Đầu tư mua sắm trang thiết bị hiện đại, văn phòng, nhà xưởng thoáng mát, trang bị các thiết bị an toàn lao động, trang phục bảo hộ lao động đầy đủ theo tiêu chuẩn ISO

Công ty thực hiện các chế độ bồi dưỡng độc hại, phụ cấp ca 3... cho người lao động. Công nhân viên được nghỉ và thanh toán tiền phép năm, nghỉ lễ tết, hiếu, hỉ theo qui định của nhà nước. Bên cạnh đó công cũng thực hiện đầy đủ các chính sách khác cho người lao động như: tham gia BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ theo qui định của Nhà nước. Ngoài ra Công ty còn chủ động mua thêm bảo hiểm tai nạn 24/24giờ cho tất cả CBCNV.

Về Đào tạo – phát triển nguồn nhân lực

Công ty đã chú trọng đến vấn đề đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tại Công ty thông qua việc khuyến khích CBCNV tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tổ chức những khoá học nâng cao kỹ năng cho CBCNV (Cử đi học, mời giảng viên dạy...)

Các chính sách khác:

Hàng năm Công ty tổ chức khám sức khoẻ định kỳ cho người lao động, tổ chức các hoạt động giải trí, văn hoá, thể thao, khen thưởng cho những con CBCNV học giỏi, tổ chức “ngày hội yêu thương” vào ngày quốc tế thiếu nhi là con em CBCNV.

Công ty cũng chú trọng đến việc nâng cao đời sống của CBCNV như: duy trì bếp ăn tập thể (do Công ty tổ chức nấu ăn chứ không thông qua đầu thầu, thuê ngoài) với đội ngũ nhân viên cấp dưỡng được tập huấn nấu ăn và có chứng chỉ nấu ăn qua đó vừa đảm bảo dinh dưỡng trong khẩu phần ăn của CBCNV vừa đảm bảo yếu tố ATVSTP, vừa thuận tiện cho CBCNV; hàng năm Công ty còn tổ chức cho CBCNV được đi du lịch nghỉ mát, được cấp phát tiền may trang phục, đồng phục.

Người lao động trong Công ty được tham gia đầy đủ các hoạt động đoàn thể và chính trị như: Đảng, Đoàn thanh niên, Công đoàn, Hội phụ nữ, vv....



PHẦN 8. CỔ ĐÔNG GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG ĐOÀN ĐÌNH THIÊM,
Chủ tịch HĐQT
Sinh ngày: 09/ 3/ 1954

Ông Đoàn Đình Thiêm là Tiến sĩ Kinh tế đang giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Thành viên của Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Cà phê Việt Nam. Tại Đại hội Cổ đông bất thường ngày 27/ 10/ 2011, ông Đoàn Đình Thiêm được bầu vào Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Vinacafé Biên Hòa và HĐQT thống nhất bầu ông Thiêm giữ chức Chủ tịch, thay ông Đỗ Văn Nam kể từ ngày 27/ 10/ 2011.

Ông Thiêm từng là Vụ trưởng, Trưởng ban Đổi mới và quản lý doanh nghiệp - Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn từ năm 2004 đến 2008. Trước đó ông Thiêm là Chánh Thanh tra Bộ Nông nghiệp và PTNT từ năm 1996 - 2004.



ÔNG PHẠM QUANG VŨ,
Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc
Sinh ngày: 12/ 2/ 1959

Ông Phạm Quang Vũ là cử nhân Kinh tế, được Đại hội Cổ đông bầu vào HĐQT và được HĐQT bầu là Phó Chủ tịch, được bổ nhiệm là Tổng Giám đốc Công ty CP Vinacafé Biên Hòa từ 06/2010 cho đến nay.

Ông Vũ có nhiều năm gắn bó với ngành cà phê và kinh nghiệm hơn 20 năm trong lĩnh vực kinh doanh cà phê. Ông Vũ từng là thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa từ tháng 1/2005 đến 05/2010; Phó giám đốc Nhà máy Cà phê Biên Hòa (10/2004 – 12/2004); Trưởng phòng kinh doanh Nhà máy Cà phê Biên Hòa (01/2001 – 09/2004), Tổ trưởng tổ cung tiêu – Nhà máy cà phê Biên Hòa (01/1996 - 12/2000)



ÔNG LÊ QUANG CHÍNH,

Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
Sinh ngày: 16/ 6/ 1954

Ông Lê Quang Chính là cử nhân kinh tế. Từ 2005, ông Chính được bầu là Ủy viên HĐQT.

Ông Chính giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Vinacafé Biên Hòa từ tháng 01/ 2005. Trước đó, ông Chính là Phó Giám đốc Nhà máy cà phê Biên Hòa từ 01/ 05/ 1997 đến tháng 12/ 2004; Từ 01/ 05/ 1988 đến tháng 4/ 1997 là Kế toán trưởng Nhà máy Cà phê Biên Hòa; Từ 01/ 06/ 1981 đến 04/ 1988 là Tổ trưởng Tổ Nghiệp vụ Nhà máy Cà phê Biên Hòa.



ÔNG LÊ HÙNG DŨNG,

Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
kiêm Kế toán trưởng
Sinh ngày: 19/ 6/ 1965

Ông Lê Hùng Dũng có bằng cử nhân Kinh tế, cử nhân Luật. Ông Dũng hiện là Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty cổ phần Vinacafé Biên Hòa từ tháng 6/ 2010.

Trước đó, Ông Dũng là Ủy viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty cổ phần Vinacafé Biên Hòa từ tháng 1/ 2005. Từ tháng 10/ 2004 đến tháng 12/ 2004, ông Dũng là Kế toán trưởng Nhà máy Cà phê Biên Hòa; Từ 7/ 1997 đến 9/ 2004: Phó kế toán trưởng Nhà máy cà phê Biên Hòa; Từ 6/ 1988 đến tháng 6/ 1997: Nhân viên kế toán – Nhà máy cà phê Biên Hòa.



ÔNG NGUYỄN ĐĂNG QUANG,

Ủy viên HĐQT
Sinh ngày: 23/ 8/ 1963

Ông Nguyễn Đăng Quang là Tiến sĩ Khoa học Công nghệ của Học viện Khoa học Quốc gia Belarus và Thạc sỹ chuyên ngành Quản trị kinh doanh của Đại học Kinh tế Nga Plekhanov. Ông Quang được bầu vào HĐQT Vinacafé Biên Hòa từ ngày 27/ 10/ 2011.

Ông Quang hiện là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Masan Group, Chủ tịch HĐQT của Masan Consumer, Phó Chủ tịch Thứ nhất của Techcombank, và Chủ tịch Hội đồng Thành viên của Công ty Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo.



ÔNG ĐỖ VĂN NAM,

Ủy viên HĐQT

Sinh ngày: 02/ 9/ 1955

Ông Đỗ Văn Nam là cử nhân kinh tế, được bầu vào Hội đồng Quản trị Vinacafé Biên Hòa từ 2005. Ông Nam giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Vinacafé Biên Hòa từ 1/ 2005 đến 10/ 2011.

Ông Nam hiện là Cục trưởng Cục Chế biến Thương mại Nông lâm thủy sản và Nghề muối Bộ Nông nghiệp & PTNT. Trước đó, ông Nam từng giữ các chức vụ Tổng Giám đốc Tổng Công ty cà phê Việt Nam từ 6/ 2005 đến 2/ 2011, Quyền Tổng Giám đốc Tổng Công ty cà phê Việt Nam từ 01/ 2004 đến 6/ 2005, Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Rau quả từ 5/ 1998 đến 12/ 2003, Giám đốc – Công ty Vật tư & XNK Rau quả- Tổng Công ty Rau quả từ 10/ 1995 đến 4/ 1998, Phó Giám đốc – Công ty Vật tư & XNK Rau quả- Tổng Công ty Rau quả từ 4/ 1993 đến 9/ 1995, Phó trưởng đại diện – Công ty Thương mại VELK Nhật Bản tại Hà Nội từ 1990 đến 1993, Phó trưởng phòng Tổng Công ty XNK Rau quả từ 1988 đến 1990.



ÔNG BÙI XUÂN THOA,

Ủy viên HĐQT

Sinh ngày: 06/ 8/ 1955

Ông Bùi Xuân Thoa là kỹ sư tự động hóa tại Liên Xô (cũ) từ 1978, được bầu vào HĐQT các nhiệm kỳ 2005 - 2009 và 2010 - 2014.

Ông Thoa từng là Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Vinacafé Biên Hòa từ 01/ 2005 đến 05/ 2010. Trước đó, ông Thoa từng giữ các chức vụ: Giám đốc Nhà máy cà phê Biên Hòa từ 07/ 1989 đến 12/ 2004; Quyền Giám đốc Nhà máy cà phê Biên Hòa từ 3/ 1988 đến tháng 06/ 1989, Phó Giám đốc Nhà máy Cà phê Biên Hòa từ 01/ 1983 đến 02/ 1988. Ông Thoa đã có thời gian 22 năm gắn bó với ngành cà phê, là người khởi tạo thương hiệu Vinacafé.

Trước khi đến với cà phê Ông Thoa là Quản đốc phân xưởng Cơ khí Nhà máy sữa Trường Thọ, Thủ Đức, TP.HCM từ 04/ 1982 đến 05/ 1983, Phó quản đốc PX Cơ khí Nhà máy sữa Trường Thọ, Thủ Đức, TP.HCM từ 6/ 1983 đến 10/ 1983, Kỹ sư Nhà máy sữa Trường Thọ, Thủ Đức, TP.HCM từ 2/ 1979 đến 03/ 1982.



ÔNG TÔ HẢI,

Ủy viên HĐQT

Sinh ngày: 01/ 12/ 1973

Ông Tô Hải là Thạc sỹ chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng, được bầu vào HĐQT Vinacafé Biên Hòa từ tháng 6/ 2010 cho đến nay

Hiện nay ông Hải hiện đang giữ chức vụ Tổng giám đốc Công ty Chứng khoán Bản Việt. Trước đó, ông Hải là Giám đốc chi nhánh – Công ty chứng khoán Bảo Việt từ năm 2003 đến 2007; Trưởng phòng Tư vấn – Công ty chứng khoán Đông Á từ năm 2002 đến 2003; Từ năm 2001 đến 2002 là Chuyên viên phân tích – Công ty chứng khoán Bảo Việt; Từ năm 1997 đến 2000: Cán bộ dự án – Công ty viễn thông liên tỉnh, Tổng Công ty Bưu chính viễn thông Việt Nam (Vietnam Telecom Nation).



ÔNG TRƯƠNG CÔNG THẮNG,

Ủy viên HĐQT

Sinh ngày: 06/ 3/ 1973

Ông Thắng là Cử nhân Kinh tế, được bầu vào HĐQT Vinacafé Biên Hòa từ tháng 10/ 2011 cho đến nay.

Hiện thời, ông Thắng là Ủy viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty cổ phần Hàng tiêu dùng Masan, Chủ tịch Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Masan, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Địa ốc Green Garden. Trước đó, ông Thắng đã làm việc tại Liên doanh Sea Breeze Holding Co., ITC Global Holdings Co., Công ty TNHH Procter & Gamble.



ÔNG ĐINH QUANG HOÀN,

Ủy viên HĐQT

Sinh ngày: 22/ 8/ 1976

Ông Đinh Quang Hoàn là Thạc sĩ Kinh tế và là hội viên Hiệp hội Kế toán Công chứng Anh Quốc. Ông Hoàn được bầu vào HĐQT Vinacafé Biên Hòa từ ngày 27/ 10/ 2011.

Trước đây, ông Hoàn là kiểm toán viên Công ty Kiểm toán Arthur Andersen, Trưởng phòng Kiểm toán Công ty Kiểm toán KPMG, P. Trưởng phòng Tư vấn Công ty Chứng khoán Bảo Việt. Hiện ông Hoàn đang làm việc tại Công ty chứng khoán Bản Việt với chức vụ Giám đốc Tư vấn.



ÔNG NGUYỄN CÔNG TRUNG,

Ủy viên HĐQT

Sinh ngày: 18/ 8/ 1976

Ông Nguyễn Công Trung là Cử nhân Luật (Trường Đại học Luật Hà Nội), Cử nhân Hành chính học (Học viện Hành chính Quốc gia); được bầu vào Hội đồng quản trị Vinacafé Biên Hòa từ tháng 5/2010.

Ông Trung hiện là Phó trưởng Ban Pháp chế - Thanh tra, Thường trực Ban Đổi mới & Phát triển doanh nghiệp Tổng Công ty Cà phê Việt Nam.

Trước đó, Ông đã từng giữ các chức danh: Thư ký Tổng giám đốc, Trợ lý Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cà phê Việt Nam (8/ 2006 – 3/ 2010); Chuyên viên, Thư ký Ban Đổi mới & Phát triển doanh nghiệp, Phó trưởng Ban Tổ chức - Cán bộ - Thanh tra (7/ 1999 - 10/ 2010); Phó Bí thư, Bí thư Đoàn Thanh niên Tổng Công ty Cà phê Việt Nam, Ủy viên Ban Chấp hành Đoàn Khối Doanh nghiệp Trung ương (5/ 2006 – 5/ 2010); Chuyên viên tư vấn Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Vinh Minh Quân, Hà Nội (1/ 1998 - 7/ 1999).

2. GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH

ÔNG PHẠM QUANG VŨ,
Phó Chủ tịch HĐQT,
Tổng Giám đốc
(Xem phần Hội đồng Quản trị)

ÔNG LÊ HÙNG DŨNG,
Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
kiêm Kế toán trưởng
(Xem phần Hội đồng Quản trị)

ÔNG LÊ QUANG CHÍNH,
Ủy viên HĐQT,
Phó Tổng Giám đốc
(Xem phần Hội đồng Quản trị)

3. GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT



ÔNG NGUYỄN NGỌC TUẤN,
Trưởng Ban Kiểm soát
Sinh ngày: 30/ 12/ 1966

Ông Nguyễn Ngọc Tuấn là kỹ sư chuyên ngành chế tạo máy hiện là Trưởng ca dây chuyền sản xuất cà phê hòa tan Phân xưởng Bán thành phẩm – Công ty cổ phần Vinacafé Biên Hòa.

Từ tháng 10/1989 đến 09/2002 ông Tuấn là Công nhân cơ khí – Nhà máy Cà phê Biên Hòa; từ tháng 10/2002 đến 12/2004 là Trưởng ca dây chuyền sản xuất cà phê hòa tan Phân xưởng Bán thành phẩm – Nhà máy Cà phê Biên Hòa.



ÔNG HUỲNH THIÊN PHÚ,
Thành viên BKS
Sinh ngày: 18/ 11/ 1981

Ông Huỳnh Thiên Phú là Thạc sĩ Kinh tế, hiện đang làm việc tại Công ty cổ phần Hàng tiêu dùng Masan với chức danh Trưởng phòng kế toán chuỗi cung ứng. Ông Phú được bầu vào BKS Vinacafé Biên Hòa từ ngày 27/10/2011.

Trước đây, ông Phú có thời gian làm việc tại Điện lực TP. Hồ Chí Minh, Công ty Unilever Việt Nam.



ÔNG ĐỖ XUÂN HẬU,
Thành viên BKS
Sinh ngày: 05/ 3/ 1966

Ông Đỗ Xuân Hậu tốt nghiệp Đại học Tài chính – Kế toán, hiện là Phó Trưởng ban Tài Chính Kế toán Tổng Công ty Cà phê Việt Nam và thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Vinacafé Biên Hòa.

Trước đây, ông Hậu đã từng phụ trách kế toán Chi nhánh Công ty cổ phần Vinacafé Biên Hòa tại Tp. HCM, nhân viên lao động tiền lương tại Công ty XNK Duyên Hải, nhân viên tiếp tân Khách sạn Con Rồng; nhân viên kế toán DNTN Hùng Thắng.

4. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động chung

Trong năm 2011, Hội đồng Quản trị đã thành công trong việc niêm yết cổ phiếu của Công ty trên Sàn Giao dịch Chứng khoán TP. HCM. Việc đưa Vinacafé Biên Hòa trở thành Công ty niêm yết đã giúp tăng tính thanh khoản của cổ phiếu VCF.

Hội đồng Quản trị đã thường xuyên giám sát và chỉ đạo Ban Điều hành thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 2011 và triển khai xây dựng nhà máy cà phê hòa tan tại Long Thành, Đồng Nai.

Tháng 9 năm 2011, Hội đồng Quản trị đã chấp thuận đề nghị chào mua công khai cổ phiếu VCF của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan sau khi hai bên trực tiếp gặp gỡ để đi đến thống nhất mục đích chung là phát triển Công ty mạnh mẽ hơn, đảm bảo được quyền lợi của các cổ đông và ổn định công việc và đời sống của người lao động.

Từ tháng 10/ 2011, với sự tăng cường của 4 thành viên mới, Hội đồng Quản trị đã thành lập 3 Tiểu Ban, gồm:

1. Tiểu ban Chiến lược Kinh Doanh:

- Ông Phạm Quang Vũ (Trưởng Ban),
- Ông Trương Công Thắng,
- Ông Đỗ Văn Nam,
- Ông Lê Hùng Dũng.

Tham gia tiểu ban này có thêm 2 thành viên không thuộc HĐQT

- Ông Nguyễn Thanh Tùng (TP Marketing kiêm TP Kinh doanh Vinacafé BH)
- Ông Nguyễn Hữu Long (PGĐ Marketing – Đồ uống Masan Consumer)

2. Tiểu ban Đầu Tư:

- Ông Lê Quang Chính (Trưởng Ban),
- Ông Nguyễn Đăng Quang,
- Ông Bùi Xuân Thoa.

3. Tiểu ban Hoạch định Chiến lược Tài Chính:

- Ông Lê Hùng Dũng (Trưởng Ban),
- Ông Nguyễn Đăng Quang,
- Ông Đinh Quang Hoàn,



Hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập không điều hành

Nhờ được cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời và tham gia đầy đủ các cuộc họp cũng như trao đổi với nhau thường xuyên, các thành viên Hội đồng Quản trị không tham gia điều hành Công ty đã có những đóng góp khách quan trong việc ra các quyết định quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh ngắn hạn và các chiến lược phát triển trong dài hạn của công ty.

Hoạt động của các Tiểu ban trong Hội đồng Quản trị

Tiểu ban Chiến lược Kinh doanh:

- Xây dựng chiến lược phát triển kinh doanh của Công ty năm 2012 và thiết lập các mục tiêu đến 2016 trên cơ sở viết lại sứ mệnh của Công ty và xác định tầm nhìn đến 2016.
- Quyết định các chiến lược nhằm thực hiện mục tiêu kinh doanh 2012 và các năm tiếp theo đến 2016.

Tiểu ban Chiến lược Tài chính

- Xem xét kế hoạch tài chính 2012.
- Phối hợp với Tiểu ban kinh doanh xây dựng phương án, giải pháp nhằm tối ưu, hiệu quả đầu vào và chi phí sản xuất để tăng mức lãi gộp của sản phẩm.
- Xem xét, đánh giá nhu cầu vốn cho dự án xây dựng nhà máy mới, kể cả dự án nhà máy với 3 dây chuyền sản xuất.

Tiểu ban Đầu tư:

- Thúc đẩy Ban quản lý dự án đẩy nhanh tiến độ xây dựng nhà máy mới tại Long Thành, Đồng Nai với 1 dây chuyền đầu tiên trong năm 2012,
- Đồng thời xem xét phương án thiết kế để có thể đầu tư xây dựng 3 dây chuyền sản xuất tại Long Thành.



THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN CHI PHÍ KHÁC CHO TỪNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	HỌ VÀ TÊN	Chức vụ	Thù lao	Thưởng	ĐVT: VNĐ
					Cộng
1	Đỗ Văn Nam	Chủ tịch/ UV HĐQT	34.000.000	893.000.000	927.000.000
2	Đoàn Đình Thiêm	Chủ tịch HĐQT	6.000.000		6.000.000
3	Phạm Quang Vũ	Phó CT, TGD	48.000.000	818.000.000	866.000.000
4	Lê Quang Chính	UVHĐQT, Phó TGD	48.000.000	744.170.000	792.170.000
5	Lê Hùng Dũng	UVHĐQT, Phó TGD	45.600.000	744.170.000	789.770.000
6	Bùi Xuân Thoa	UV HĐQT	24.000.000	781.380.000	805.380.000
7	Nguyễn Công Trung	UV HĐQT	24.000.000	496.110.000	520.110.000
8	Tô Hải	UV HĐQT	24.000.000	496.110.000	520.110.000
9	Đình Quang Hoàn	UV HĐQT	4.000.000		4.000.000
10	Nguyễn Đăng Quang	UV HĐQT	4.000.000	248.060.000	252.060.000
11	Trương Công Thắng	UV HĐQT	4.000.000		4.000.000
12	Thái Việt Nga (*)	UV HĐQT		248.060.000	248.060.000

(*) Thù lao và thưởng năm 2010 chi trong năm 2011

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN VÀ NHỮNG THAY ĐỔI TRONG TỶ LỆ NẤM GIỮ CỔ PHẦN CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT:

THAY ĐỔI TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Tại thời điểm 31/12/ 2011

	2010		2011		Thay đổi	
	CP	%	CP	%	CP	%
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ						
1 Đoàn Đình Thiêm (*)	-	-	7.435.781	27,98	7.435.781	27,98
- Đại diện	-	-	7.435.781	27,98	7.435.781	27,98
- Cá nhân	-	-	-	-	-	-
2 Phạm Quang Vũ (**) (***)	3.639.149	13,69	2.777.899	10,45	(861.250)	-3,24
- Đại diện	3.339.844	12,57	2.478.594	9,33	(861.250)	-3,24
- Cá nhân	299.305	1,13	299.305	1,13	-	-
3 Lê Quang Chính (**) (***)	200.718	0,76	157.428	0,59	(43.290)	-0,16
4 Lê Hùng Dũng (**) (***) (****)	187.500	0,71	187.500	0,71	-	-
5 Bùi Xuân Thoa (**)	87.055	0,33	87.055	0,33	-	-
6 Đỗ Văn Nam (**)	10.037.811	37,77	18.280	0,07	(10.019.531)	-37,70
- Đại diện	10.019.531	37,70	-	-	(10.019.531)	-37,70
- Cá nhân	18.280	0,07	18.280	0,07	-	-
7 Nguyễn Công Trung (**)	-	-	-	-	-	-
8 Nguyễn Đăng Quang (**)	-	-	6.677.630	25,12	6.677.630	25,12
- Đại diện	-	-	6.677.630	25,12	6.677.630	25,12
- Cá nhân	-	-	-	-	-	-
9 Trương Công Thắng (**)	-	-	6.677.631	25,12	6.677.631	25,12
- Đại diện	-	-	6.677.631	25,12	6.677.631	25,12
- Cá nhân	-	-	-	-	-	-
10 Tô Hải (**)	3.337	0,01	3.337	0,01	-	-
11 Đình Quang Hoàn (**)	-	-	-	-	-	-
BAN KIỂM SOÁT						
1 Nguyễn Ngọc Tuấn	10.855	0,04	10.855	0,04	-	-
2 Đỗ Xuân Hậu	-	-	-	-	-	-
3 Nguyễn Thị Hương Giang (miễn nhiệm từ 17/10/2011)	-	-	-	-	-	-
4 Huỳnh Thiên Phú	-	-	-	-	-	-

Ghi chú: (*) Chủ tịch HĐQT, (**) Thành viên HĐQT, (***) Ban Tổng Giám đốc, (****) Kế toán trưởng

THÔNG TIN VỀ CÁC GIAO DỊCH CỔ PHIẾU/ CHUYỂN NHƯỢNG PHẦN VỐN GÓP CỦA CÁC CỔ ĐÔNG LỚN VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN:

a. Giao dịch cổ phiếu:

- Tổng Công ty Cà phê Việt Nam: bán 3.445.000 CP
- Công ty CP Chứng khoán Bản Việt: bán 22.400 CP
- Cổ đông Lê Thị Dung Hòa, em ông Lê Quang Chính, TV HĐQT: bán 4.387 CP, tương đương 0,016% vốn điều lệ.
- Cổ đông Lê Thị Diệu Hương, vợ ông Lê Quang Chính, TV HĐQT: bán 22.330 CP, tương đương 0,08% vốn điều lệ.
- Cổ đông Lâm Thanh Xuân, vợ ông Nguyễn Ngọc Tuấn, Trưởng BKS: bán 14.620 CP, tương đương 0.05% vốn điều lệ
- Ông Lê Quang Chính, TV HĐQT: bán 35.000 CP, tương đương 0,13% vốn điều lệ.
- Cổ đông Trần Quang Lộc bán 2.047.800 CP, tương đương 7,7% vốn điều lệ.
- Công ty CP Chứng khoán Beta bán 2.295.073 CP, tương đương 8,6% vốn điều lệ.
- Công ty CP Chứng khoán Bản Việt: bán 41.370 CP, tương đương 0,155% vốn điều lệ.

b. Giao dịch khác:

- Công ty CP Hàng tiêu dùng Masan mua 13.355.261 CP, tương đương 50,25% vốn điều lệ.

5. GIỚI THIỆU CÁC CỔ ĐÔNG

Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông nhà nước

TỔNG CÔNG TY CÀ PHÊ VIỆT NAM – CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN.

Địa chỉ: 211 – 213 – 213A, Trần Huy Liệu, Phường 8, Q. Phú Nhuận, TP. HCM, Việt Nam

Người đại diện thứ nhất: Ông Đoàn Đình Thiêm,

Chủ tịch Hội đồng Thành viên TCTy Cà phê Việt Nam

Người đại diện thứ hai: Ông Phạm Quang Vũ,

Tổng Giám đốc CTy CP Vinacafé Biên Hòa

Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn

1. TỔNG CÔNG TY CÀ PHÊ VIỆT NAM: như trên

2. CÔNG TY CP HÀNG TIÊU DÙNG MASAN

Địa chỉ: Kumho Asiana Plaza, Quận 1, TP. HCM, Việt Nam

Người đại diện thứ nhất: Ông Nguyễn Đăng Quang, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tập đoàn Masan.

Người đại diện thứ hai: Ông Trương Công Thắng,

Tổng Giám đốc Công ty CP Hàng Tiêu dùng Masan

CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông sáng lập

1. TỔNG CÔNG TY CÀ PHÊ VIỆT NAM – CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: 211 – 213 – 213A, Trần Huy Liệu, Phường 8, Q. Phú Nhuận, TP. HCM, Việt Nam

Người đại diện thứ nhất: Ông Đoàn Đình Thiêm, Chủ tịch Hội đồng Thành viên TCTy Cà phê Việt Nam

Người đại diện thứ hai: Ông Phạm Quang Vũ,

Tổng Giám đốc CTy CP Vinacafé Biên Hòa

2. ÔNG BÙI XUÂN THOA

Địa chỉ: 107/19, Trương Định, Quận 3, TP. HCM, Việt Nam.

Nguyên Tổng Giám đốc Công ty CP Vinacafé Biên Hòa, đã nghỉ hưu

3. ÔNG LÊ QUANG CHÍNH

Địa chỉ: 100, Đất Thánh, Phường 6, Quận Tân Bình, TP. HCM, Việt Nam

Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Vinacafé Biên Hòa

4. ÔNG PHẠM QUANG VŨ

Địa chỉ: 141/49, Khu phố 2, Phường Tân phong, TP. Biên Hòa, Đồng Nai, Việt Nam

Tổng Giám đốc Công ty CP Vinacafé Biên Hòa

5. ÔNG LÊ HÙNG DŨNG

Địa chỉ: 182/14E, Bạch Đằng, Phường 24, Q. Bình Thạnh, TP. HCM, Việt Nam

Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Vinacafé Biên Hòa

Những biến đổi về tỷ lệ sở hữu cổ phần của các cổ đông sáng lập

	THAY ĐỔI TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP				Tại thời điểm 31/12/2011	
	2010		2011		Thay đổi	
	CP	%	CP	%	CP	%
Tổng Công ty CP Việt Nam						
1 Đoàn Đình Thiêm	-	-	7.435.781	27,98	7.435.781	27,98
- Đại diện	-	-	7.435.781	27,98	7.435.781	27,98
2 Phạm Quang Vũ	3.639.149	13,69	2.777.899	10,45	(861.250)	-3,24
- Đại diện	3.339.844	12,57	2.478.594	9,33	(861.250)	-3,24
Ông Phạm Quang Vũ	299.305	1,13	299.305	1,13	-	-
Ông Lê Quang Chính	200.718	0,76	157.428	0,59	(43.290)	-0,16
Lê Hùng Dũng	187.500	0,71	187.500	0,71	-	-
Bùi Xuân Thoa	87.055	0,33	87.055	0,33	-	-

CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI

Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông nước ngoài

STT	Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ %
1	Barca Global Master Fund L.P	Nemours Chambers, PO box 3170, Road Town, Tortola, British Virgin Island	370.990	1,396
2	First Vietnam Capital LLC	C/O VPDD Cty Kamm Investment INC, Lau 8 Bitexco Tower 19-25 Nguyen Hue Quan 1, HCMC	270	0,001
3	New Securities Co. LTD	EBISU BLDG, 10-10, 3 Chome, Higashi, Shibuy-ku, Tokyo, Japan	140	0,001
4	TIM Vietnam Tiger Fund	6, Phung Khac Khoan, Suite 35, District 1, HCMC	15.000	0,056
5	Các cổ đông cá nhân		66.012	0,248
Cộng			452.412	1,702



Hương Vị Của Thiên Nhiên



CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA
Khu công nghiệp Biên Hòa 1 - Tỉnh Đồng Nai
Tel: (061) 3836554 - Fax: (061) 3836108
Email: vinacafe@vinacafebienhoa.com
Website: www.vinacafebienhoa.com